

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

TÀI LIỆU TÌM HIỂU CHƯƠNG TRÌNH MÔN MĨ THUẬT

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

HÀ NỘI, 2019

Người biên soạn:

1. Th.S Nguyễn Thị Đông, Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương, Chủ biên chương trình môn Mỹ thuật
2. TS Vương Trọng Đức, Trường ĐH Mỹ thuật Hà Nội
3. TS Nguyễn Minh Quang, Trường ĐH Mỹ thuật Tp Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

I. ĐẶC ĐIỂM CỦA MÔN HỌC	4
II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC	5
III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC.....	7
IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC.....	9
V. NỘI DUNG GIÁO DỤC	14
VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC	24
VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC	46
VIII. PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ DẠY HỌC	59
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	62

KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
CT	Chương trình
DH	Dạy học
GD	Giáo dục
GDPT	Giáo dục phổ thông
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
NL	Năng lực
NQ	Nghị quyết
PC	Phẩm chất
QH	Quốc hội
SGK	Sách giáo khoa
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
TW	Trung ương
YCCĐ	Yêu cầu cần đạt

I. ĐẶC ĐIỂM CỦA MÔN HỌC

1. Vị trí và tên môn học trong chương trình GDPT

Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, môn Mỹ thuật là môn học thuộc lĩnh vực Giáo dục Nghệ thuật, được dạy học từ lớp 1 đến lớp 12. So với chương trình hiện hành, tên môn học không có gì thay đổi nhưng nội dung môn học không chỉ dạy học ở cấp tiểu học và trung học cơ sở, mà chương trình được mở rộng thêm phạm vi dạy học ở cấp trung học phổ thông.

Theo đó, cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác trong Chương trình giáo dục phổ thông, môn Mỹ thuật vừa bảo đảm trang bị học vấn cốt lõi cho học sinh ở giai đoạn giáo dục cơ bản, vừa bảo đảm giáo dục định hướng nghề nghiệp cho học sinh ở giai đoạn giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở thống nhất mục tiêu hình thành, phát triển các phẩm chất (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo); đồng thời, môn học đặt mục tiêu trọng tâm là hình thành, phát triển ở học sinh năng lực mỹ thuật với các thành phần: quan sát và nhận thức thẩm mỹ, sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ, phân tích và đánh giá thẩm mỹ trong tiến trình giáo dục.

2. Vai trò và tính chất nổi bật của môn học trong giai đoạn GD cơ bản và GD định hướng nghề nghiệp

Nội dung giáo dục mỹ thuật được phân chia theo hai giai đoạn: giáo dục cơ bản và giáo dục định hướng nghề nghiệp. Ở giai đoạn giáo dục cơ bản, Mỹ thuật là nội dung giáo dục bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 9, thời lượng dành cho môn học là 35 tiết/ năm học; chương trình tạo cơ hội cho học sinh làm quen và trải nghiệm kiến thức mỹ thuật thông qua nhiều hình thức hoạt động; hình thành, phát triển ở học sinh khả năng quan sát và cảm thụ nghệ thuật, nhận thức và biểu đạt thế giới xung quanh; khả năng cảm nhận và tìm hiểu, thể nghiệm các giá trị văn hoá, thẩm mỹ trong đời sống và nghệ thuật.

Ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, Mỹ thuật là môn học được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của học sinh, thời lượng dành cho môn học là 70/ năm học đối với các nội dung lựa chọn và 35 tiết/ năm học đối với các chuyên đề học tập. Nội dung giáo dục mỹ thuật được mở rộng, phát triển kiến thức, kĩ năng mỹ thuật đã hình thành ở giai đoạn giáo dục cơ bản, tiếp cận một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác và có tính ứng dụng trong thực tiễn; giúp học sinh phát triển tư duy độc lập, khả năng phản biện, phân

tích và sáng tạo nghệ thuật; hiểu được vai trò và ứng dụng của mỹ thuật trong đời sống; tạo cơ sở cho học sinh được tìm hiểu và có định hướng nghề nghiệp phù hợp với bản thân dựa trên nhu cầu thực tế, thích ứng với xã hội.

3. Quan hệ với môn học/ hoạt động giáo dục khác

Chương trình hiện hành (CT 2006) đặt mục tiêu bồi dưỡng, giáo dục thẩm mỹ cho học sinh; tuy nhiên, chương trình chưa giải quyết tốt mối quan hệ và sự tác động qua lại giữa môn Mỹ thuật với các môn học/ hoạt động giáo dục khác, cũng như tính ứng dụng của mỹ thuật vào đời sống thực tiễn. Trong Chương trình môn Mỹ thuật 2018, nội dung giáo dục bao gồm cả tri thức văn hóa, đạo đức, tự nhiên, xã hội, khoa học công nghệ,... nên liên quan tới nhiều môn học và hoạt động giáo dục khác như môn Ngữ văn, Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Lịch sử, Địa lí, Toán, Công nghệ, Tin học, Âm nhạc, Hoạt động trải nghiệm,... Các thành phần của năng lực mỹ thuật là những biểu hiện của năng lực thẩm mỹ trong lĩnh vực mỹ thuật, sự tác động của nội dung giáo dục mỹ thuật với nội dung giáo dục các môn học/ hoạt động giáo dục khác là sự tác động qua lại, có liên hệ với đời sống văn hóa xã hội. Do vậy, việc dạy học mỹ thuật cần quan tâm đến dạy học tích hợp liên môn, cũng như kết hợp lồng ghép giáo dục mỹ thuật với các vấn đề mang tính xã hội và đề cao tính ứng dụng của mỹ thuật vào thực tiễn đời sống, góp phần phát triển đời sống thẩm mỹ của mỗi cá nhân và cộng đồng.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Việc xây dựng Chương trình môn Mỹ thuật 2018 được tiến hành dựa trên các quan điểm cơ bản sau đây:

1. Tuân thủ các quy định cơ bản được nêu trong *Chương trình tổng thể*, gồm:

- Định hướng chung cho tất cả các môn học như: quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, kế hoạch giáo dục và các định hướng về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục, điều kiện thực hiện và phát triển chương trình.
- Định hướng xây dựng Chương trình môn Mỹ thuật ở cả hai giai đoạn giáo dục cơ bản và giáo dục định hướng nghề nghiệp.

Quan điểm này giúp cho việc xây dựng Chương trình môn Mỹ thuật thống nhất với chương trình tổng thể, nhất quán với chương trình tất cả các môn học và hoạt động giáo dục khác trong việc xác lập định hướng nội dung, cũng như cách thức diễn giải, trình bày.

2. Tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận văn hoá, nghệ thuật dân tộc và thế giới trên cơ

sở vận dụng những kiến thức cơ bản của mỹ thuật, kết hợp với khoa học giáo dục.

Quan điểm này chú trọng đến việc thông qua nền tảng kiến thức cơ bản của mỹ thuật, hướng học sinh đến nhận thức về những giá trị thẩm mỹ trong đời sống, xã hội dựa trên tiếp cận các thành tựu văn hóa, nghệ thuật dân tộc và thế giới, kết hợp với sự phát triển về khoa học giáo dục, như giáo dục học, tâm lý học và phương pháp giáo dục hiện đại trong dạy - học mỹ thuật; qua đó, hình thành, phát triển ở học sinh năng lực mỹ thuật, góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam và những giá trị phổ quát của công dân toàn cầu, đó là lòng yêu nước, niềm tự hào về truyền thống văn hóa nghệ thuật dân tộc, ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị nghệ thuật dân tộc, tinh hoa văn hóa và những giá trị thẩm mỹ của thời đại trong thực hành, sáng tạo sản phẩm mỹ thuật và vận dụng thực tiễn; đóng góp vào việc hình thành, phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo ở học sinh trong giáo dục mỹ thuật.

3. Chương trình môn Mỹ thuật chọn lọc những kiến thức phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông, đặc điểm tâm - sinh lý lứa tuổi học sinh và điều kiện dạy học.

Quan điểm này dựa trên cơ sở kế thừa mục tiêu, nội dung dạy học và phương pháp giáo dục, phương pháp đánh giá kết quả của Chương trình môn Mỹ thuật và môn Thủ công Kỹ thuật (phần Thủ công) hiện hành; đồng thời, tham khảo chương trình của một số quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, từ đó chương trình môn học xác định cấu trúc nội dung và kiến thức nền tảng phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông, tương thích với xu hướng chung của khu vực và thế giới về giáo dục mỹ thuật.

4. Thông qua các nội dung, hình thức tổ chức dạy học, trên cơ sở bảo đảm các yêu cầu cần đạt, chương trình được thiết kế linh hoạt, có thể điều chỉnh phù hợp với các nhóm đối tượng học sinh, các cơ sở giáo dục và địa phương. Trong quá trình thực hiện, chương trình thường xuyên được cập nhật, phát triển phù hợp với sự phát triển nghệ thuật và yêu cầu của thực tiễn.

Tính linh hoạt và tính cập nhật của Chương trình môn Mỹ thuật được thể hiện ở nội dung chương trình thiết kế theo hướng mở, đặc điểm này cho phép giáo viên và nhà trường lựa chọn một số nội dung giáo dục mỹ thuật phù hợp với địa phương, triển khai kế hoạch giáo dục môn Mỹ thuật phù hợp với điều kiện vùng miền và cơ sở giáo dục, thực hiện dạy học tích hợp, lồng ghép các nội dung ưu tiên, các vấn đề mang tính toàn cầu như bình đẳng giới, biến đổi khí

hậu, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông, giáo dục tài chính,... trong dạy học một cách phù hợp và thiết thực; cũng như phát hiện những yếu tố cần bổ sung, điều chỉnh chương trình để phù hợp với sự phát triển của văn hóa, nghệ thuật và thực tiễn đời sống.

III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1. Căn cứ xác định mục tiêu chương trình

Chương trình môn Mỹ thuật xác định mục tiêu dựa trên một số căn cứ sau:

- Yêu cầu của đất nước về giáo dục thể hiện trong các văn kiện chính trị, những nghị quyết về chủ trương, đường lối phát triển đất nước của Đảng, Chính phủ, Quốc hội. Cụ thể việc đổi mới CT giáo dục phổ thông lần này, cũng như các môn học khác, mục tiêu CT môn Mỹ thuật được xác định dựa vào yêu cầu của các Nghị quyết 29 của Ban chấp hành TW về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, Nghị quyết 88 của Quốc hội và quyết định 404 của Chính phủ về Đổi mới CT và SGK phổ thông. Các yêu cầu mới của đất nước cũng đã được thể hiện trong mục tiêu giáo dục nói chung của CT giáo dục tổng thể.

- Mục tiêu môn học Mỹ thuật là sự cụ thể hóa mục tiêu giáo dục chung đã nêu trong chương trình tổng thể: giúp học sinh làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

- Mục tiêu môn học Mỹ thuật căn cứ vào đặc điểm cấu trúc, vị trí, vai trò và tính chất của môn học trong chương trình phổ thông, trong đó nhấn mạnh đến ưu thế của giáo dục mỹ thuật là bồi dưỡng, hình thành, phát triển năng lực thẩm mỹ thông qua nhiều hình thức hoạt động thực hành, trải nghiệm, sáng tạo đa dạng, góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo), cũng như các năng lực đặc thù khác (ngôn ngữ, tìm hiểu tự nhiên và xã hội, tính toán, công nghệ, thể chất...) ở học sinh.

- Mục tiêu môn học Mỹ thuật căn cứ vào mục tiêu của chương trình mỹ thuật hiện hành (CT 2006 không dạy học ở cấp trung học phổ thông)¹ và những định

¹ Mục tiêu nêu trong CT môn Mỹ thuật (2006): *Có những kiến thức ban đầu về mỹ thuật, hình thành những hiểu biết cơ bản cần thiết về đường nét, hình khối, màu sắc, đậm nhạt...; có hiểu biết sơ lược về mỹ thuật Việt Nam và*

hướng đổi mới giáo dục mỹ thuật trong những năm gần đây; đồng thời, tiếp cận với xu hướng chung của các nước trên thế giới trong xác định mục tiêu về giáo dục mỹ thuật².

- Mục tiêu môn học Mỹ thuật được xác định dựa trên điều kiện dạy học thực tiễn ở các trường phổ thông Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập với cách mạng công nghiệp mới.

2. Mục tiêu cụ thể của chương trình

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình môn Mỹ thuật giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật dựa trên kiến thức và kỹ năng mỹ thuật; nhận thức được mối quan hệ giữa mỹ thuật với đời sống, xã hội và các loại hình nghệ thuật khác; có ý thức trân trọng di sản văn hoá, nghệ thuật và khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng mỹ thuật vào đời sống; có hiểu biết tổng quát về ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác và khả năng định hướng được nghề nghiệp cho bản thân; trải nghiệm và khám phá mỹ thuật thông qua nhiều hình thức hoạt động; góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2.2. Mục tiêu các cấp học

2.2.1. Mục tiêu ở cấp tiểu học

Môn Mỹ thuật giúp học sinh bước đầu hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật thông qua các hoạt động trải nghiệm; biết thể hiện cảm xúc, trí tưởng tượng về thế giới xung quanh, từ đó hình thành năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; bước đầu làm quen, tìm hiểu và cảm nhận vẻ đẹp của

thế giới; rèn luyện kỹ năng quan sát, qua đó phát triển tư duy, trí tưởng tượng, sáng tạo, thực hành vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh, tập nặn tạo dáng và phân tích được sơ lược một số tác phẩm mỹ thuật Việt Nam và thế giới, biết vận dụng kỹ năng đó vào cuộc sống. Bước đầu cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, con người, vẻ đẹp của một số tác phẩm mỹ thuật.

² Mục tiêu GD mỹ thuật/GD nghệ thuật của một số quốc gia, vùng lãnh thổ:

- Hàn Quốc: *Nuôi dưỡng sự cảm thụ mang tính bản thân và thế giới xung quanh; nuôi dưỡng khả năng thể hiện và thông hiểu một cách sáng tạo cảm nhận và suy nghĩ; nuôi dưỡng khả năng phán đoán và hiểu được giá trị của mỹ thuật; nuôi dưỡng thái độ yêu mến và tôn trọng văn hóa; tìm kiếm sự hài hòa của bản thân và thế giới, hiểu giá trị và vai trò của văn hóa thị giác, nuôi dưỡng khả năng tìm hiểu cách thức tham gia vào xã hội thông qua mỹ thuật....*

- Singapore: *Mục đích của GD nghệ thuật là giúp HS cảm thụ và trân trọng nghệ thuật....*

- Bỉ: *Những mục tiêu cụ thể của GD nghệ thuật phù hợp hoàn toàn với các mục tiêu lớn của GD. GD nghệ thuật có thể giữ vị trí của nó như tất cả các loại hoạt động GD khác, bản chất của nó là đánh thức: đánh thức về bản thân, về người khác, về thế giới...*

- Đan Mạch: *GD mỹ thuật có mục tiêu cơ bản là cung cấp cho HS kiến thức và các kỹ năng cần thiết trong các lĩnh vực như Sáng tạo tranh ảnh, Hiểu biết về tranh ảnh, Giao tiếp bằng tranh ảnh.*

...

sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật, hình thành năng lực tự chủ và tự học; góp phần hình thành các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

2.2.2. Mục tiêu ở cấp trung học cơ sở

Môn Mỹ thuật giúp học sinh tiếp tục hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật dựa trên nền tảng kiến thức, kĩ năng mỹ thuật ở cấp tiểu học, thông qua các hoạt động thảo luận, thực hành, trải nghiệm; phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; có ý thức kế thừa, phát huy các giá trị văn hoá, nghệ thuật truyền thống dân tộc, tiếp cận giá trị thẩm mỹ của thời đại, làm nền tảng cho việc phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; có hiểu biết về mối quan hệ giữa mỹ thuật với đời sống, nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ và tình yêu nghệ thuật, phát triển năng lực tự chủ và tự học, có ý thức định hướng nghề nghiệp sau khi kết thúc cấp học.

2.2.3. Mục tiêu ở cấp trung học phổ thông

Môn Mỹ thuật giúp học sinh tiếp tục phát triển năng lực mỹ thuật đã được hình thành ở giai đoạn giáo dục cơ bản và các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm thông qua nhiều hình thức hoạt động; phát triển tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề và sáng tạo, kĩ năng thực hành, giao tiếp và hợp tác; ý thức tôn trọng và phát huy văn hoá, nghệ thuật truyền thống dân tộc, tiếp cận giá nghệ thuật và thành tựu khoa học, công nghệ của thời đại, phát triển năng lực tự chủ và tự học; tăng cường hiểu biết về kiến thức mỹ thuật trong các lĩnh vực ngành nghề có liên quan, bồi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ và tình yêu nghệ thuật, có định hướng nghề nghiệp phù hợp với bản thân và nhu cầu xã hội.

IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

1. Căn cứ xác định các yêu cầu cần đạt

Chương trình môn Mỹ thuật xác định các yêu cầu cần đạt dựa trên một số căn cứ sau:

- Mục tiêu, yêu cầu cần đạt của giáo dục phổ thông nêu trong Chương trình tổng thể: Giúp người học hình thành và phát triển các phẩm chất (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm), các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) và các năng lực đặc thù (ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thể chất, thẩm mỹ, ...); bên cạnh việc hình thành, phát triển các phẩm chất, năng lực chung, chương trình giáo dục phổ thông còn góp phần phát hiện, bồi dưỡng năng lực đặc biệt (năng

khieu) của học sinh.

- Kế hoạch giáo dục và những định hướng cơ bản về nội dung, phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả của môn học trong CT tổng thể; trong đó trọng tâm là mục tiêu yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn học: Hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật, biểu hiện của năng lực thẩm mỹ trong lĩnh vực mỹ thuật; đồng thời góp phần cùng các môn học, hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển các năng lực chung, cũng như góp phần phát triển các năng lực đặc thù khác cho học sinh.

- Kế thừa và phát triển các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của CT môn Mỹ thuật và CT môn Thủ công, Kỹ thuật (phần Thủ công) hiện hành³ (CT 2006).

- Tham khảo việc xác định chuẩn đầu ra CT môn học của một số quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới⁴, kết hợp tham vấn chuyên gia tư vấn quốc tế về giáo dục mỹ thuật.

- Đặc điểm tâm – sinh lí học sinh và điều kiện thực tiễn dạy học ở các trường phổ thông Việt Nam.

2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và đóng góp của môn học trong việc bồi dưỡng phẩm chất cho HS

Chương trình môn Mỹ thuật góp phần hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu theo mức độ cụ thể, phù hợp với từng cấp học được quy định trong Chương trình tổng thể.

Trong tiến trình giáo dục, thông qua việc tổ chức các hoạt động thảo luận, thực hành, trải nghiệm, sáng tạo, giáo viên giúp học sinh nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ về bản thân và thế giới xung quanh, tình yêu nghệ thuật và cuộc sống; góp phần nâng cao nhận thức về tình yêu gia đình, quê hương, tình thân ái giữa con người với con người, ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và không gian văn hóa, thẩm mỹ; trân trọng các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật và sự sáng tạo của nghệ sĩ; bồi dưỡng niềm tự hào về truyền thống văn hóa, nghệ thuật dân tộc, ý thức tôn trọng sự đa dạng về văn hóa của các dân tộc. Đồng thời, rèn luyện cho học sinh đức chuyên cần, tính trung thực, tình yêu lao động và ý thức trách nhiệm của bản thân trong học tập, làm việc và sử dụng, bảo quản các đồ dùng, công cụ, thiết bị dạy học; kích thích hứng thú, khích lệ sự tự tin ở học sinh trong học tập và tham gia các hoạt động nghệ thuật, góp phần xây dựng và phát

³ Như chú thích 1

⁴ Singapore, Hàn Quốc, Philippines, Đan Mạch, Bỉ, Anh, Australia, Cộng hoà Liên bang Đức,...

triển đời sống thẩm mỹ của cá nhân, cộng đồng.

3. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung và đóng góp của môn học trong việc hình thành, phát triển các năng lực chung cho HS

Môn Mỹ thuật có nhiều ưu thế trong việc góp phần hình thành và phát triển toàn diện các năng lực chung đã được nêu trong CT tổng thể, gồm: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Những năng lực chung này (cũng như một số năng lực đặc thù khác) được phản ánh trong năng lực mỹ thuật và được hình thành, phát triển không chỉ thông qua nội dung dạy học mà còn thông qua phương pháp, hình thức tổ chức dạy học với việc chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học trong tiến trình giáo dục.

Sau đây là một số lưu ý trong tổ chức dạy học mỹ thuật góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung cho học sinh:

– Trong tổ chức dạy học mỹ thuật, góp phần hình thành, phát triển năng lực tự chủ và tự học cho học sinh, giáo viên cần tổ chức các hoạt động học tập, thực hành, trải nghiệm, sáng tạo đa dạng với sự tham gia tích cực, chủ động của học sinh. Đặc biệt, cần khích lệ học sinh sẵn sàng cho việc thực hành, sáng tạo và thảo luận nghệ thuật thông qua tự chuẩn bị, tìm kiếm, đánh giá, lựa chọn nguồn vật liệu, họa phẩm,... phù hợp với các mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; biết xác lập mục tiêu học tập, thiết kế nội dung, kế hoạch, dự án học tập,... và thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ học tập của cá nhân, của nhóm; biết lưu trữ và xử lý thông tin bằng các hình thức phù hợp.

– Để góp phần hình thành, phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, trong dạy tiến trình giáo dục, giáo viên cần quán triệt lòng ghép, tích hợp hoạt động thực hành với thảo luận thông qua các phương pháp, hình thức tổ chức đa dạng, tạo cơ hội cho học sinh được thường xuyên tham gia trao đổi, chia sẻ những thông tin tìm hiểu về tác giả/nghệ sĩ, về sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, di sản văn hóa nghệ thuật; cũng như giới thiệu kết quả học tập, sản phẩm thực hành của cá nhân, của bạn bè và khích lệ học sinh bày tỏ cảm nhận, suy nghĩ, quan điểm về thẩm mỹ,... tạo nên kết quả học tập của nhóm dựa trên những cách thức hợp tác khác nhau.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo là đặc trưng của dạy học mỹ thuật, vì vậy, trong tổ chức dạy học, giáo viên cần chú trọng lựa chọn, vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học thích hợp, giúp học sinh có cơ hội vận

dụng kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm của bản thân để tìm hiểu, khám phá và thực hành, trải nghiệm, phát hiện yếu tố thẩm mĩ trong nghệ thuật và đời sống; khích lệ học sinh chia sẻ, đề xuất vấn đề, ý tưởng thẩm mĩ và lựa chọn giải pháp thể hiện; khuyến khích học sinh tiếp tục đổi mới trong tiến trình học tập/ thực hành trên cơ sở nhận thức và tư duy phản biện thẩm mĩ, góp phần hình thành, phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo ở học sinh.

4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù và đóng góp của môn học trong việc hình thành, phát triển các năng lực đặc thù cho HS

Chương trình môn Mĩ thuật giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực mĩ thuật với các thành phần: quan sát và nhận thức thẩm mĩ, sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ, phân tích và đánh giá thẩm mĩ. Dưới đây là mô hình năng lực mĩ thuật:



Theo đó, năng lực mĩ thuật được hình thành, phát triển cho học sinh thông qua các biểu hiện sau:

- Quan sát và nhận thức thẩm mĩ

+ Cấp tiểu học: Nhận biết được một số yếu tố thẩm mĩ cơ bản trong đời sống và ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật; Nhận biết được một số yếu tố tạo hình ở đối tượng thẩm mĩ; Nhận biết được dấu hiệu của một số nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. Bước đầu cảm nhận được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mĩ; Nhận biết được chủ đề của sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật; Bước đầu nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật trong đời sống; Biết liên tưởng về vẻ đẹp của đối tượng thẩm mĩ với thực hành sáng tạo.

+ Cấp trung học cơ sở: Nhận biết được yếu tố thẩm mĩ trong đời sống; Nhận biết được yếu tố, nguyên lí tạo hình ở đối tượng thẩm mĩ; Nhận biết được giá trị thẩm mĩ ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, di sản văn hóa nghệ thuật. Cảm nhận

được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mỹ; Nhận biết được ý tưởng thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật; Nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật trong đời sống; Biết liên hệ giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, di sản văn hóa nghệ thuật với thực hành sáng tạo.

+ Cấp trung học phổ thông: Nhận biết được yếu tố thẩm mỹ đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác; Nhận biết được giá trị thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật đặc trưng của một số ngành nghề, liên quan đến nghệ thuật thị giác. Cảm nhận được đặc điểm thẩm mỹ của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác; Nhận biết được ý tưởng thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác; Nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật đặc trưng của một số ngành nghề trong đời sống; Liên hệ được yếu tố thẩm mỹ đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác với thực hành, sáng tạo.

- *Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ*

+ Cấp tiểu học: Nêu được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mỹ ở mức độ đơn giản; Vận dụng được một số hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện ý tưởng thẩm mỹ; Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lý tạo hình trong thực hành sáng tạo ở mức độ đơn giản; Sử dụng được một số công cụ, thiết bị trong thực hành sáng tạo. Biết thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo ở mức độ đơn giản; Biết trưng bày, giới thiệu sản phẩm mỹ thuật của cá nhân và nhóm học tập; Biết vận dụng sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.

+ Cấp trung học cơ sở: Nêu được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mỹ; Lựa chọn được hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện ý tưởng thẩm mỹ; Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lý tạo hình trong thực hành sáng tạo; Sử dụng được một số công cụ, thiết bị công nghệ trong thực hành sáng tạo. Thể hiện được tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo; Biết cách trưng bày, giới thiệu sản phẩm mỹ thuật của cá nhân và nhóm học tập; Vận dụng được sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.

+ Cấp trung học phổ thông: Đề xuất được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mỹ một cách có cơ sở lý luận; Lựa chọn được hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện yếu tố thẩm mỹ đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác; Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo thể hiện yếu tố thẩm mỹ đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác; Phối hợp sử dụng được công cụ, thiết bị công nghệ trong thực

hành sáng tạo. Biết cách thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo; Biết cách truyền thông về sản phẩm mỹ thuật của cá nhân và nhóm học tập; Vận dụng được ý tưởng thẩm mỹ, khả năng hiện thực hoá ý tưởng thẩm mỹ để sáng tạo sản phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.

- *Phân tích và đánh giá thẩm mỹ*

+ Cấp tiểu học: Chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mỹ ở mức độ đơn giản; Biết tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật; Mô tả được một số yếu tố, dấu hiệu của nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn. Bước đầu đánh giá được đối tượng thẩm mỹ thông qua một số yếu tố và nguyên lí tạo hình; Bước đầu học hỏi được kinh nghiệm thực hành sáng tạo thông qua đánh giá đối tượng thẩm mỹ.

+ Cấp trung học cơ sở: Phân tích, chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mỹ; Biết cách thu thập và trình bày một số thông tin về tác giả, tác phẩm, trường phái, phong cách nghệ thuật; Mô tả, phân tích được yếu tố, nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm, phong cách, trường phái nghệ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn. Đánh giá được đối tượng thẩm mỹ thông qua yếu tố và nguyên lí tạo hình; Học hỏi được kinh nghiệm thực hành sáng tạo thông qua đánh giá đối tượng thẩm mỹ.

+ Cấp trung học phổ thông: Phân tích được yếu tố thẩm mỹ đặc trưng một số ngành nghề trong thực tiễn, liên quan đến nghệ thuật thị giác; Biết cách thu thập và trình bày một số thông tin về tác giả, tác phẩm đặc trưng một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác; Mô tả, phân tích được giá trị thẩm mỹ và công năng sử dụng của sản phẩm, tác phẩm đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác trong thực tiễn đời sống; Thể hiện được quan điểm cá nhân trong cảm thụ, phân tích nghệ thuật. Đánh giá được một số yếu tố thẩm mỹ thể hiện đặc trưng ngành nghề ở sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật thị giác; Biết vận dụng vào thực tiễn kinh nghiệm thực hành sáng tạo học hỏi được thông qua đánh giá đối tượng thẩm mỹ.

V. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Căn cứ xác định nội dung giáo dục của chương trình môn học

Chương trình môn học xác định nội dung giáo dục dựa trên một số căn cứ sau:

- Yêu cầu đổi mới nội dung giáo dục phổ thông đã được xác định trong Nghị quyết số 88/2014/QH13: “*Đổi mới nội dung giáo dục phổ thông theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và định*

hướng nghề nghiệp; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tích hợp cao ở các lớp học dưới và phân hóa dần ở các lớp học trên”.

- Định hướng nội dung, kế hoạch giáo dục giáo dục đối với từng giai đoạn giáo dục và định hướng nội dung Giáo dục Mỹ thuật trong chương trình tổng thể.

- Mục tiêu, quan điểm xây dựng chương trình, yêu cầu cần đạt về năng lực mỹ thuật của chương trình.

- Kế thừa ưu điểm mạch nội dung chương trình hiện hành (CT 2006) của môn Mỹ thuật và môn Thủ công, Kỹ thuật (phần Thủ công)⁵.

- Tiếp cận với xu hướng quốc tế, cập nhật nội dung khoa học môn học dựa trên cơ sở nghiên cứu chương trình môn học của một số quốc gia, vùng lãnh thổ, kết hợp tham vấn chuyên gia tư vấn quốc tế⁶ về GD Mỹ thuật, rút ra các xu hướng chung trong xác lập nội dung giáo dục Mỹ thuật của chương trình môn học để vận dụng vào Việt Nam.

- Đặc điểm tâm – sinh lí học sinh và điều kiện dạy học ở các trường phổ thông Việt Nam.

2. Nội dung giáo dục cụ thể của chương trình môn học

2.1. Giải thích cách trình bày nội dung giáo dục trong chương trình môn học

Nội dung giáo dục môn học Mỹ thuật trong văn bản CT bao gồm: 1) *Nội dung khái quát*; 2) *yêu cầu cần đạt và nội dung giáo dục cụ thể ở các lớp*.

Nội dung khái quát là những nội dung cốt lõi của chương trình trên cơ sở phát triển hai mạch nội dung Mỹ thuật tạo hình, Mỹ thuật ứng dụng⁷.

Yêu cầu cần đạt và nội dung giáo dục cụ thể ở các lớp được trình bày theo hai cột, gồm yêu cầu cần đạt và nội dung. Yêu cầu cần đạt là sự cụ thể hoá mục tiêu giáo dục, là căn cứ để kiểm soát và đánh giá kết quả học tập, trong đó

⁵ Ví dụ những điểm kế thừa nội dung Ct hiện hành ở giai đoạn GD cơ bản (CT hiện hành không DH ở cấp THPT):

- Môn Mỹ thuật: Vẽ theo mẫu (nét, hình, khối, bố cục, đậm nhạt,...), Vẽ trang trí (màu sắc, họa tiết, trang trí cơ bản, trang trí ứng dụng,...), Vẽ tranh (đề tài, bố cục, nét, hình, màu sắc,...), Thường thức mỹ thuật (xem tranh thiếu nhi, họa sĩ, tác phẩm hội họa, điêu khắc,...), Tập nặn, tạo dáng (hình khối, con vật, dáng người, quả, cây,...).

- Môn Thủ công các lớp 1, 2, 3: Xé, cắt, dán giấy; gấp hình; phối hợp gấp, cắt, dán hình; làm đồ chơi đơn giản; cắt, dán chữ cái đơn giản;...

⁶ Như chú thích 3

⁷ Theo ND 22/2018 ND CP về hướng dẫn Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan, tại điều 13 đã ghi: 1) *Tác phẩm tạo hình quy định tại điểm g khoản 1 Điều 14 ... là tác phẩm được thể hiện bởi đường nét, màu sắc, hình khối, bố cục như: Hội họa, đồ họa, điêu khắc, nghệ thuật sắp đặt và các hình thức thể hiện tương tự, tồn tại dưới dạng độc bản. Riêng đối với loại hình đồ họa, có thể được thể hiện tới phiên bản thứ 50,...* 2) *Tác phẩm mỹ thuật ứng dụng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 14 ... là tác phẩm được thể hiện bởi đường nét, màu sắc, hình khối, bố cục với tính năng hữu ích, có thể gắn liền với một đồ vật hữu ích, được sản xuất thủ công hoặc công nghiệp ...*

chú trọng các thành phần năng lực của năng lực mỹ thuật, gồm: Quan sát và nhận thức thẩm mỹ, Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ, Phân tích và đánh giá thẩm mỹ. Nội dung giáo dục của chương trình được trình bày theo 4 cấu phần: 1) yếu tố và nguyên lí tạo hình; 2) thể loại; 3) hoạt động thực hành và thảo luận; 4) định hướng chủ đề; tuy nhiên, cách trình bày theo trình tự này có sự linh hoạt, phù hợp với mục tiêu của mỗi giai đoạn giáo dục trong chương trình.

Ví dụ: Yêu cầu cần đạt và nội dung giáo dục lớp 6 như sau:

LỚP 6

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
<i>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</i> – Xác định được nội dung chủ đề. – Nhận biết đặc điểm cơ bản của thể loại Hội hoạ, Đồ hoạ, Điêu khắc. – Nhận biết được nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản. – Nêu được các bước thực hành, sáng tạo. <i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</i> – Biết vận dụng giá trị thẩm mỹ của di sản văn hoá nghệ thuật vào thực hành sáng tạo. – Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản và một số yếu tố tạo hình vào thực hành sáng tạo. – Biết cách sử dụng một số chất liệu trong thực hành, sáng tạo. – Biết ứng dụng sản phẩm vào thực tế cuộc sống. <i>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</i> – Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, nhóm. – Biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi về tác giả, tác phẩm.	<i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <i>Thể loại</i> Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mỹ thuật – Hội hoạ – Đồ hoạ (tranh in) – Điêu khắc <i>Hoạt động thực hành và thảo luận</i> <i>Thực hành</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <i>Thảo luận</i> – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Phân tích được vẻ đẹp của tác phẩm mỹ thuật. – Hiểu được mối liên hệ giữa mỹ thuật với một số môn học, hoạt động giáo dục khác.	văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của học sinh. Định hướng chủ đề Lựa chọn, kết hợp: – Văn hoá, xã hội – Nghệ thuật Tiền sử và Cổ đại Việt Nam, thế giới.
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: – Xác định được mục đích sử dụng của sản phẩm. – Phân biệt được giá trị thẩm mỹ và công năng sử dụng của sản phẩm thiết kế. – Chỉ ra được các bước cơ bản trong thực hành, sáng tạo sản phẩm. – Xác định được các loại vật liệu phù hợp để tạo nên sản phẩm. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: – Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản của một số yếu tố tạo hình vào thiết kế sản phẩm. – Sáng tạo từ những đồ vật, vật liệu sẵn có thành sản phẩm mới. – Vận dụng được một số giá trị thẩm mỹ từ di sản văn hoá nghệ thuật vào thiết kế sản phẩm. – Biết cách trưng bày sản phẩm cá nhân, nhóm. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: – Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, sản phẩm nhóm học tập. – Biết đặt câu hỏi, trả lời, trao đổi về	Yếu tố và nguyên lí tạo hình Lựa chọn, kết hợp: Yếu tố tạo hình – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. Nguyên lí tạo hình – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. Thể loại Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mỹ thuật – Thiết kế công nghiệp – Thiết kế đồ hoạ – Thiết kế thời trang Hoạt động thực hành và thảo luận Thực hành – Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 3D. Thảo luận – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, sản phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
sản phẩm và học hỏi kinh nghiệm thực hành trong đánh giá. – Phân tích được giá trị thẩm mỹ của sản phẩm thiết kế. – Hiểu được tính ứng dụng của sản phẩm thiết kế.	– Sản phẩm thực hành của học sinh. <i>Định hướng chủ đề</i> Lựa chọn, kết hợp: – Văn hoá, xã hội – Nghệ thuật Tiền sử và Cổ đại Việt Nam, thế giới.

2.2. Định hướng nội dung giáo dục của chương trình môn học

Như trên đã nêu, nội dung giáo dục của chương trình môn Mỹ thuật phát triển hai mạch nội dung Mỹ thuật tạo hình và Mỹ thuật ứng dụng, trong đó nền tảng kiến thức cơ bản dựa trên yếu tố và nguyên lý tạo hình. Cụ thể định hướng nội dung và thời lượng ở các cấp học như sau:

- Ở cấp tiểu học, trong chương trình môn học 2018, thời lượng dành cho nội dung mỹ thuật tạo hình 60%, nội dung mỹ thuật ứng dụng 30% là ước lượng, các tác giả sách giáo khoa và giáo viên chủ động sắp xếp căn cứ vào yêu cầu cần đạt và thực tế dạy học. Nội dung giáo dục cụ thể gồm Lí luận và lịch sử mỹ thuật, Hội hoạ, Đồ hoạ, Điêu khắc, Thủ công; trong đó, nội dung Lí luận và lịch sử mỹ thuật được giới hạn trong phạm vi làm quen với tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hóa nghệ thuật và được giới thiệu, lồng ghép, tích hợp với thực hành, thảo luận trong tiến trình giáo dục mỹ thuật.

- Ở cấp trung học cơ sở, trong chương trình môn học 2018, thời lượng dành cho nội dung giáo dục mỹ thuật tạo hình và mỹ thuật ứng dụng ở các lớp được phân bố như sau: Ở mỗi lớp 6, lớp 7, nội dung mỹ thuật tạo hình là 50%, nội dung mỹ thuật ứng dụng là 40%; ở mỗi lớp 8, lớp 9, mỗi nội dung mỹ thuật tạo hình và mỹ thuật ứng dụng là 40%, nội dung GD hướng nghiệp là 10%. Thời lượng phân bố các nội dung này là ước lượng, các tác giả sách giáo khoa và giáo viên chủ động sắp xếp căn cứ vào yêu cầu cần đạt và thực tế dạy học. Nội dung giáo dục cụ thể gồm Lí luận và lịch sử mỹ thuật, Hội hoạ, Đồ hoạ, Điêu khắc, Thiết kế công nghiệp, Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ hoạ; trong đó, nội dung Lí luận và lịch sử mỹ thuật được giới hạn trong phạm vi tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hóa nghệ thuật và được giới thiệu, lồng ghép, tích hợp với thực hành, thảo luận trong tiến trình giáo dục mỹ thuật.

Các nội dung giáo dục cụ thể nêu trên ở giai đoạn giáo dục cơ bản là những nội dung lựa chọn, kết hợp trong tổ chức dạy học trên cơ sở bảo đảm yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình. Tuy nhiên, nhằm bảo đảm dạy học tích hợp cao ở cấp học dưới, bên cạnh việc định dạng nội dung Lí luận và lịch sử mỹ thuật tích hợp, lồng ghép trong hoạt động thực hành và thảo luận, chương trình cần bảo đảm dạy học tích hợp các nội dung trong chương trình, cũng như tích hợp liên môn, tích hợp xuyên chương trình,... Dù thực hiện dạy học từng nội dung độc lập hoặc dạy học tích hợp/ kết hợp các nội dung chương trình (hoặc liên môn, xuyên chương trình) trong bài học/ chủ đề cụ thể, giáo viên cần lưu ý dựa trên đặc điểm về ngôn ngữ, vật liệu, chất liệu, hình thức/thao tác tạo hình các thể loại trong dạy học hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật thông qua định hướng các chủ đề; cũng như cách tiếp cận này nên vận dụng trong đặt tên các chủ đề (làm chất liệu DH), ví dụ: chủ đề về màu sắc, đường nét, thiên nhiên, con người, lễ hội, môi trường, mỹ thuật cổ xưa,...; theo đó, tên các chủ đề DH không nên gắn với tên các thể loại mỹ thuật, ví dụ: chủ đề Hội họa, chủ đề Đồ họa, chủ đề Thiết kế công nghiệp,... những cách đặt tên này dễ trùng lặp với chủ đề DH định hướng GD nghề nghiệp ở cấp THPT.

- Ở cấp trung học phổ thông, học sinh mỗi lớp 10, 11, 12 được lựa chọn 04 nội dung trong 10 nội dung bao gồm: Lí luận và lịch sử mỹ thuật, Hội họa, Đồ họa, Điều khắc, Thiết kế công nghiệp, Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa, Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh, Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện, Kiến trúc; trong đó, nội dung Lí luận và lịch sử mỹ thuật vừa được thực hiện độc lập, vừa bảo đảm lồng ghép, tích hợp với thực hành, thảo luận trong tiến trình giáo dục mỹ thuật.

Trong chương trình môn học 2018, ở cấp trung học phổ thông thời lượng dành cho mỗi nội dung lựa chọn nêu trên là 22%, thời lượng này là ước lượng, các tác giả sách giáo khoa và giáo viên chủ động sắp xếp căn cứ vào yêu cầu cần đạt và thực tế dạy học.

Các nội dung cốt lõi nêu trên được phân bố ở các lớp như sau:

Mạch nội dung	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Lí luận và lịch sử mỹ	+	+	+	+	+	+	+	+	+	×	×	×

Mạch nội dung	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
thuật												
Hội hoạ	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×
Đồ hoạ (tranh in)	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×
Điều khắc	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×	×
Thủ công	×	×	×	×	×							
Thiết kế công nghiệp						×	×	×	×	×	×	×
Thiết kế đồ hoạ						×	×	×	×	×	×	×
Thiết kế thời trang						×	×	×	×	×	×	×
Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh										×	×	×
Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện										×	×	×
Kiến trúc										×	×	×

Kí hiệu “x”: nội dung giáo dục độc lập.

Kí hiệu “+”: nội dung giáo dục được lồng ghép trong thực hành, thảo luận
mỹ thuật.

Đối với cấp trung học phổ thông, bên cạnh các nội dung cốt lõi nêu trên, ở mỗi lớp 10, 11, 12 chương trình thiết kế các chuyên đề học tập (3 chuyên đề tương đương thời lượng 35 tiết/ năm học). Nội dung các chuyên đề gồm: Hình hoạ Trang trí, Bố cục, đây là nội dung giáo dục lựa chọn, dành cho những học sinh yêu thích và có thiên hướng mỹ thuật.

Nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Chuyên đề 10.1: Thực hành vẽ hình hoạ 1	×		
Chuyên đề 10.2: Thực hành vẽ trang trí 1	×		
Chuyên đề 10.3: Thực hành vẽ tranh bố cục 1	×		
Chuyên đề 11.1: Thực hành vẽ hình hoạ 2		×	
Chuyên đề 11.2: Thực hành vẽ trang trí 2		×	
Chuyên đề 11.3: Thực hành tranh bố cục 2		×	
Chuyên đề 12.1: Thực hành hình hoạ 3			×
Chuyên đề 12.2: Thực hành vẽ trang trí 3			×
Chuyên đề 12.3: Thực hành vẽ tranh bố cục 3			×

Trong chương trình môn học 2018, thời lượng dành cho mỗi chuyên đề trong cụm Chuyên đề học tập ở các lớp 10, 11, 12 như sau: nội dung Thực hành vẽ hình hoạ 15 tiết, nội dung thực hành vẽ trang trí 10 tiết, nội dung Thực hành vẽ tranh bố cục 10 tiết. Thời lượng này bao gồm cả nội dung dạy học và đánh giá; các tác giả sách giáo khoa và giáo viên chủ động lựa chọn nội dung dạy học cụ thể cho mỗi chuyên đề thực hành dựa trên yêu cầu cần đạt và thực tế dạy học.

2.3. Kế thừa chương trình hiện hành trong chương trình môn học

Chương trình môn Mỹ thuật vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới, vừa chú trọng kế thừa và phát huy những ưu điểm mạch nội dung môn Mỹ thuật và môn Thủ công, Kỹ thuật (phần Thủ công) trong CT hiện hành (CT 2006). Sau đây là một số điểm đáng lưu ý được kế thừa:

- Đối với nội dung Mỹ thuật, kế thừa cơ bản mạch nội dung dạy học các phân môn: Vẽ theo mẫu (hình khối, đường nét, hình vẽ, đậm nhạt,...), Vẽ trang trí (màu sắc; chép hoa lá; trang trí đường diềm, hình vuông, hình tròn; sắp xếp lặp lại, xen kẽ, đối xứng,...), Vẽ tranh (đề tài, đường nét, hình mảng, bố cục, màu sắc, hình chính, hình phụ,...) Thường thức mỹ thuật (xem tranh họa sĩ, thiếu nhi; tìm hiểu tác phẩm hội họa và điêu khắc; mỹ thuật cổ đại Việt Nam và thế giới; Mỹ thuật các thời kì Lý, Trần, Lê, Nguyễn,...; tranh dân gian; mỹ thuật dân tộc thiểu số; mỹ thuật hiện đại Việt Nam và thế giới,...); Tập nặn, tạo dáng (hình khối, dáng người, đồ vật,...).

- Đối với nội dung Thủ công, kế thừa cơ bản các nội dung như: xé, cắt, dán giấy; gấp hình, phối hợp cắt, xé, dán giấy; làm đồ chơi,...

Các nội dung kế thừa này được tổ chức lại và phát triển theo hai mạch nội dung Mỹ thuật tạo hình và Mỹ thuật ứng dụng, gắn với yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù.

2.4. Tiếp thu kinh nghiệm nước ngoài trong chương trình môn học

Bên cạnh việc kế thừa những ưu điểm của CT Mỹ thuật hiện hành, CT trình môn Mỹ thuật đổi mới lần này tiếp cận với xu hướng quốc tế dựa trên cơ sở nghiên cứu CT môn học của một số quốc gia, vùng lãnh thổ, kết hợp tham vấn chuyên gia tư vấn quốc tế⁸ về GD Mỹ thuật, rút ra các xu hướng chung trong xây dựng CT môn Mỹ thuật có thể vận dụng vào trường phổ thông Việt Nam. Cụ thể CT môn Mỹ thuật học tập kinh nghiệm tập trung ở một số phương diện sau:

- Xác định thành phần năng lực đặc thù và xây dựng yêu cầu cần đạt.
- Lựa chọn nội dung dạy học.
- Định hướng phương pháp dạy học và đánh giá kết quả giáo dục.

3. Những thay đổi cơ bản về nội dung môn học của CT GDPT 2018 so với CT hiện hành.

- Chương trình GD Mỹ thuật hiện hành được ban hành theo *quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục* – *Đào tạo* là cơ sở pháp lý quan trọng, khẳng định vị trí và vai trò giáo dục thẩm mỹ của môn học, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh trong nhà trường phổ thông. Đây là kết quả cố gắng của đội ngũ các nhà giáo dục nghệ thuật (ở Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam) cùng các nhà sư phạm,

⁸ Ví dụ tham khảo CT của một số quốc gia và vùng lãnh thổ như: Singapore, Hàn Quốc, Philipines, Đan Mạch, Bỉ, Anh, Australia, Cộng hoà Liên bang Đức, Nhật Bản, Trung Quốc...

nhà giáo và họa sĩ tâm huyết với sự nghiệp giáo dục nghệ thuật/ giáo dục thẩm mỹ cho thế hệ trẻ. Lần đầu tiên có được bộ chương trình, SGK và sách hướng dẫn dạy - học tương đối hoàn chỉnh, đồng bộ. Chương trình cụ thể hóa nội dung dạy học theo từng dạng bài/ từng bài học ở các phân môn; việc đánh giá chất lượng dạy học dựa trên mục tiêu đạt được về chuẩn kiến thức, kĩ năng mà chương trình đặt ra theo mỗi bài học ở từng khối lớp (từ lớp 1 đến lớp 9); nội dung các bài học quan tâm thực hành rèn luyện kĩ năng, bồi dưỡng, phát triển khả năng cảm thụ thẩm mỹ cho học sinh; góp phần giúp hướng nghiệp cho một bộ phận học sinh có nhu cầu và yêu thích nghệ thuật.

Tuy nhiên, so với Nghị quyết 40 và Nghị quyết 88, chương trình còn thể hiện một số hạn chế và bất cập, ví dụ: Chương trình còn nặng tính hàn lâm, bài bản và lí thuyết, giống như chương trình trung cấp mỹ thuật được đơn giản hóa hay trường năng khiếu thu nhỏ, chưa thực sự đáp ứng được mục tiêu giáo dục thẩm mỹ; Nội dung chương trình chủ yếu đi sâu vào lĩnh vực Hội họa, chưa thể hiện được rõ mỹ thuật là môn khoa học cơ bản của nghệ thuật thị giác và là cơ sở thẩm mỹ cho các ngành nghệ thuật như kiến trúc, thời trang, thiết kế đồ họa, thiết kế công nghiệp, công nghệ truyền thông, sân khấu điện ảnh..., đồng thời chưa thể hiện gắn kết mỹ thuật với các môn khoa học liên ngành; Chương trình yêu cầu nặng về kĩ năng vẽ, chưa quan tâm tới tính mở và ứng dụng thực tiễn của nội dung học tập/ thực hành, tích hợp nội môn và liên môn còn hạn chế; Nội dung các bài thực hành còn lặp đi lặp lại về kiến thức, kĩ năng; Ở nhiều bài học, thời lượng dành cho mỗi bài học chưa phù hợp với nội dung và yêu cầu đặt ra, đặc biệt phân môn Thường thức mỹ thuật; Kiến thức và nội dung dạy học của một số dạng bài/phân môn còn thiếu chính xác về cách giới thiệu khái niệm thuật ngữ (ví dụ: Phân môn Vẽ trang trí có nội dung vẽ Tranh cổ động và Tạo dáng chậu cảnh, phân môn Vẽ tranh có nội dung Minh họa truyện cổ tích,...).

Trên cơ sở phát huy những ưu điểm và khắc phục một số hạn chế của nội dung chương trình hiện hành nêu trên (CT 2006), chương trình môn mỹ thuật 2018 có một số thay đổi cơ bản về nội dung như sau:

- Chương trình phát triển theo hai mạch nội dung Mỹ thuật tạo hình và Mỹ thuật ứng dụng, trong đó kiến thức nền tảng, cơ bản dựa trên các yếu tố và nguyên lí tạo hình; bảo đảm dạy học tích hợp, dạy học phân hóa.

- Chương trình không quy định cụ thể nội dung dạy học theo bài, theo tiết mà việc lựa chọn nội dung dạy học và xác định thời lượng cụ thể cho mỗi nội

dung dạy học là quyền chủ động của giáo viên và tác giả sách giáo khoa, miễn sao đáp ứng được yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình môn học.

- Chương trình thể hiện mối quan hệ, sự tác động qua lại giữa môn học với các môn học khác trong Chương trình giáo dục phổ thông và thực tiễn đời sống.

- Phương pháp dạy học: Coi trọng kết hợp, lồng ghép hoạt động thực hành và thảo luận mĩ thuật, giúp học đồng thời vừa là “người sáng tạo nghệ thuật” vừa là “người thưởng thức nghệ thuật” trong quá trình học tập.

- Đánh giá kết quả giáo dục: Kết hợp đánh giá thường xuyên (quá trình) với đánh giá tổng kết (định kì); kết hợp đánh giá bằng phương pháp định tính với phương pháp đánh giá định lượng; tạo điều kiện cho học sinh tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng. Đặc biệt, coi trọng đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh, không so sánh giữa học sinh này với học sinh khác (hoặc giữa các học sinh với nhau), đánh giá để khích lệ học sinh học tập và phát triển.

VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Căn cứ xác định phương pháp giáo dục của chương trình môn học

Chương trình môn Mĩ thuật xác định phương pháp, hình thức giáo dục dựa trên một số căn cứ trọng yếu sau:

- Nghị quyết 29–NQ/TW; nội dung ghi rõ: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kĩ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kĩ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học”.

- Nghị quyết 88/2014/QH13, ghi rõ: “Tiếp tục đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng: phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, bồi dưỡng phương pháp tự học, hứng thú học tập, kĩ năng hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tư duy độc lập: đa dạng hóa hình thức tổ chức học tập, tăng cường hiệu quả sử dụng các phương tiện dạy học, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông; giáo dục ở nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và xã hội”.

- Quán triệt mục tiêu, định hướng phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục, phương pháp đánh giá kết quả giáo dục quy định trong Chương trình tổng thể.

- Mục tiêu, yêu cầu cần đạt về năng lực mỹ thuật và nội dung giáo dục trong chương trình môn học.

2. Phương pháp giáo dục của chương trình môn học

2.1. Định hướng chung

Phương pháp giáo dục trong Chương trình môn Mỹ thuật phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của người học, trong đó nhấn mạnh những yêu cầu sau:

- Chú trọng dạy học tích hợp, lồng ghép nội dung lí thuyết trong thực hành, thảo luận; kết hợp liên hệ kiến thức, kĩ năng của môn Mỹ thuật với kiến thức, kĩ năng của các môn học, hoạt động giáo dục khác một cách phù hợp, thiết thực.

- Tăng cường dạy học trải nghiệm; vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức, không gian hoạt động học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm, kích thích trí tưởng tượng, tư duy hình ảnh thẩm mỹ của học sinh, tạo cơ hội để học sinh được vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực hành, thể nghiệm ý tưởng sáng tạo và đưa các sản phẩm sáng tạo vào đời sống. Khai thác, sử dụng hợp lí thiết bị dạy học, mạng Internet; tận dụng các chất liệu, vật liệu sẵn có ở địa phương.

Định hướng này nhấn mạnh đến vận dụng DH mở; đồng thời, chú trọng đến sự đa dạng của các PP, hình thức và không gian học tập như học trong lớp, học ngoài lớp trong khuôn viên nhà trường, học ngoài nhà trường tại các di sản văn hóa nghệ thuật, bảo tàng, làng nghề,... và khai thác nguồn vật liệu sẵn có, tư liệu mỹ thuật ở các kênh thông tin khác nhau (sách, báo, tạp chí, nguồn internet,...) để vận dụng DH.

2.2. Vận dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với những bài học khác nhau ở cấp tiểu học/THCS/THPT

Một trong những đặc trưng nổi bật của chương trình định hướng hình thành, phát triển năng lực học sinh là nội dung chương trình thiết kế theo hướng mở, việc lựa chọn nội dung giáo dục cụ thể dành quyền chủ động cho giáo viên, nhà trường và tác giả sách giáo khoa, miễn sao đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình về năng lực mỹ thuật. Theo đó, việc vận dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học lấy mục tiêu đạt được về năng lực mỹ thuật là cốt yếu, dưới đây là những lưu ý trong tổ chức dạy học để hình thành, phát triển các thành phần của năng lực mỹ thuật:

- Để hình thành, phát triển hoạt động quan sát và nhận thức thẩm mỹ ở học

sinh, trong tổ chức dạy học, giáo viên khuyến khích và tạo cơ hội để học sinh được quan sát, nhận thức về đối tượng thẩm mỹ từ bao quát, tổng thể đến chi tiết, bộ phận và đối chiếu, so sánh để tìm ra đặc điểm, vẻ đẹp của đối tượng, phát hiện các giá trị thẩm mỹ của đối tượng. Tùy theo nội dung, mục đích dạy học và tâm lí lứa tuổi, khả năng nhận thức của học sinh, giáo viên đặt ra yêu cầu quan sát một cách phù hợp, nhằm thúc đẩy, phát triển ở học sinh ý thức tìm tòi, khám phá cuộc sống, môi trường xung quanh và thưởng thức nghệ thuật. Quan sát, nhận thức thẩm mỹ cần được kết hợp, lồng ghép trong hoạt động thực hành sáng tạo, thảo luận, phân tích, đánh giá thẩm mỹ của tiến trình dạy học và liên hệ, ứng dụng thực tiễn.

- Để hình thành, phát triển hoạt động sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ ở học sinh, trong tổ chức dạy học, giáo viên vận dụng các yếu tố kích thích khả năng thực hành, sáng tạo của học sinh bằng những cách thức khác nhau; khuyến khích học sinh thử nghiệm và đổi mới, kích thích tư duy, khả năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và liên hệ, ứng dụng thực tiễn. Đồng thời, cần có những hướng dẫn cụ thể để học sinh chủ động chuẩn bị, sẵn sàng học tập, sáng tạo nhằm tăng cường ý thức trách nhiệm, thúc đẩy sự hứng khởi ở học sinh. Khi sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học, giáo viên cần tích hợp, lồng ghép hoạt động thực hành, sáng tạo, ứng dụng thẩm mỹ với thảo luận, cũng như kết hợp quan sát, nhận thức và phân tích, đánh giá thẩm mỹ trong tiến trình dạy học.

- Để hình thành, phát triển hoạt động phân tích và đánh giá thẩm mỹ ở học sinh, trong tổ chức dạy học, giáo viên khích lệ học sinh tích cực tham gia hoạt động học tập; vận dụng đa dạng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, tạo điều kiện để học sinh được tiếp cận và khám phá nghệ thuật bằng nhiều cách khác nhau; kết hợp liên hệ truyền thống văn hóa, bối cảnh xã hội và khai thác thiết bị công nghệ, nguồn Internet; quan tâm đến sự khác biệt về giới tính, đa dạng sắc tộc, đặc điểm văn hoá vùng miền và tính thời đại. Các yếu tố này cần được cân nhắc, phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lí lứa tuổi học sinh và điều kiện dạy học thực tế; đồng thời, cần chú ý đến mối liên hệ và tương tác giữa các thành phần năng lực khác của năng lực mĩ thuật trong tiến trình dạy học.

2.3. Bài soạn minh họa ở cấp tiểu học/THCS/THPT

2.3.1. Hướng dẫn soạn giáo án

Nếu giáo án dạy học theo định hướng cung cấp kiến thức chủ yếu đưa ra các nội dung dạy học quy định bắt buộc trong chương trình hoặc nội dung mà

giáo viên định truyền đạt cho học sinh thì giáo án theo định hướng hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực nêu lên cách thức tổ chức các hoạt động để học sinh tự tìm hiểu, khám phá, rèn luyện nhằm hoàn thiện nhận thức và kĩ năng của mình. Giáo án có thể có cách trình bày khác nhau, nhưng cần bảo đảm một số yêu cầu sau:

- Xác định mục tiêu bài học/ chủ đề

Trong dạy học hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, mục tiêu (hoặc yêu cầu cần đạt) của bài học/ chủ đề là cần hướng tới hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Qua một bài học/ chủ đề, khó hình thành được một năng lực hay phẩm chất chủ yếu nào đó, nên thường chỉ nêu các biểu hiện cụ thể về phẩm chất và năng lực phù hợp với nội dung bài học, trong đó nhấn mạnh đến học sinh đạt được yêu cầu về hình thành, phát triển năng lực đặc thù. Do vậy, khi thiết kế giáo án, giáo viên cần khai thác mọi khả năng phát triển các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung, năng lực đặc thù đã quy định trong chương trình môn học cho học sinh và nêu các biểu hiện cụ thể của phẩm chất, năng lực có thể gắn với bài học.

- Biên soạn nội dung dạy học

Đối với chương trình hiện hành (CT 2006), các nội dung dạy học được quy định cụ thể theo bài, theo số tiết trong chương trình hoặc trong các văn bản hướng dẫn giảm tải chương trình.

Trong chương trình mới (CT 2018), các nội dung dạy học là nội dung mở, cho phép giáo viên lựa chọn trên cơ sở bảo đảm đạt được yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình. Do vậy, dựa trên các nội dung lựa chọn, kết hợp ở mỗi khối, lớp trong từng cấp học, giáo viên căn cứ vào yêu cầu cần đạt của chương trình để lựa chọn nội dung dạy học cụ thể trên cơ sở bảo đảm các yếu tố như: phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi, khả năng nhận thức của học sinh ở từng khối lớp, từng thời điểm/ giai đoạn học tập và điều kiện dạy học cụ thể của nhà trường; bảo đảm mức độ tăng dần từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ khái quát đến cụ thể,..; quan tâm đến nội dung dạy học tích hợp, dạy học phân hóa; cân đối giữa nội dung từng thể loại kĩ thuật trong chương trình mỗi cấp học, lớp học; thống nhất giữa nội dung dạy học với việc vận dụng, phối hợp hoạt động thực hành và thảo luận kĩ thuật trong tiến trình dạy học;...

- Lựa chọn phương pháp, kĩ thuật dạy học

Phương pháp và kỹ thuật dạy học là đa dạng, mỗi phương pháp hay nhóm các phương pháp có những đặc trưng và ưu điểm, hạn chế nhất định, cũng như có thể phù hợp với dạy học một số dạng bài hoặc có thể sử dụng dạy học cho tất cả các bài trong chương trình và phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện dạy học cụ thể của nhà trường. Bởi vậy, tùy từng nội dung bài học/ hoạt động DH cụ thể mà giáo viên lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật dạy học phù hợp với mục tiêu, nội dung và đặc trưng của dạy học kỹ thuật, cũng như năng lực nghề của bản thân người dạy và bảo đảm đạt được yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình; việc lựa chọn các phương pháp dạy học tránh liệt kê dàn trải, thiếu trọng tâm, chưa thể hiện ý tưởng cũng như khả năng tổ chức dạy học của người dạy/ người soạn.

Do vậy, việc lựa chọn phương pháp, kỹ thuật dạy học có vai trò định hướng tổ chức các hoạt động dạy học, đồng thời coi đó là con đường dẫn học sinh đạt được mục tiêu hình thành phát triển năng lực kỹ thuật, cũng như góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực chung, đóng góp vào hình thành, phát triển các năng lực đặc thù khác quy định trong Chương trình tổng thể và chương trình môn học.

- Thiết kế hoạt động dạy học (các hoạt động dạy học chủ yếu)

Trong tiến trình dạy học, GV và HS thực hiện nhiều hoạt động, ví dụ:

- Hoạt động ổn định lớp, kiểm tra bài cũ hoặc chuẩn bị điều học tập của HS.
- Hoạt động giới thiệu bài/ khởi động
- Hoạt động dạy – học theo nội dung bài học
- Hoạt động củng cố, đánh giá giờ học
- Hoạt động luyện tập, mở rộng (hoặc hướng dẫn tự học)

Trong giáo án, thiết kế các hoạt động dạy học cần hướng đến những mục tiêu đã nêu trong bài học/ chủ đề. Mỗi mục tiêu có thể được thực hiện bằng một hoặc một vài hoạt động của học sinh và giáo viên. Hoạt động học của học sinh chủ yếu là: quan sát, tìm hiểu, khám phá, phát hiện vấn đề; trao đổi, thảo luận, chia sẻ cảm nhận, ý tưởng; làm việc nhóm, trình bày kết quả, liên hệ vận dụng kết quả vào học tập và thực tiễn,... . Hoạt động dạy của thầy chủ yếu là nêu vấn đề, giao nhiệm vụ, gợi mở, tạo hứng thú,... và hỗ trợ học sinh khi cần thiết; đặc biệt giáo viên hạn chế làm thay học sinh (ví dụ: nói, chia sẻ suy nghĩ, cảm thụ thay; chọn nội dung, màu sắc, vật liệu thay; giải thích, phân tích thay,...); nên coi trọng việc tạo cơ hội cho học sinh được quan sát, tự tìm hiểu, khám phá, trao

đổi, thực hành, thử nghiệm và đánh giá, vận dụng,... Đồng thời, giáo viên cần nêu được những đồ dùng, phương tiện dạy học,... hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ ở từng hoạt động dạy học cụ thể. Kết thúc mỗi hoạt động, giáo viên cần hệ thống những nội dung chủ yếu cần nhớ, cần nắm để giúp học sinh khắc sâu và vận dụng trong học tập, thực hành sáng tạo và đời sống thực tiễn.

Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu một vài giáo án để giáo viên tham khảo. Giáo viên có thể thay đổi, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường và cá nhân, đồng thời bảo đảm được yêu cầu của giáo án là nhằm mục tiêu hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh, đặc biệt năng lực mỹ thuật – biểu hiện của năng lực thẩm mỹ trong giáo dục mỹ thuật.

2.3.2. Bài soạn minh họa

2.3.1. Cấp tiểu học

Chủ đề: Làm hộp đựng bút (lớp 2)

(Nội dung mỹ thuật ứng dụng)

(Thời lượng: 2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Về phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, ý thức trách nhiệm đối với bảo vệ môi trường ở học sinh, cụ thể là một số biểu hiện:

– Có ý thức sưu tầm và biết cách sử dụng đồ vật phế thải sạch để làm vật liệu thực hành, góp phần làm sạch môi trường.

- Biết tôn trọng sản phẩm do bạn bè, thợ thủ công/ nghệ nhân tạo ra.

2. Về năng lực

Chủ đề góp phần hình thành, phát triển ở học sinh các năng lực sau:

2.1. Năng lực đặc thù

– Nhận biết trang trí lặp lại ở một số sản phẩm thủ công và hộp đựng bút (đặt trên bàn).

– Tạo được hộp đựng bút bằng vật liệu dạng khối, biết sử dụng chấm hoặc đường nét, họa tiết, màu sắc trang trí lặp lại ở sản phẩm.

– Biết trưng bày, giới thiệu, chia sẻ cảm nhận và mục đích sử dụng sản phẩm. Biết vận dụng tính chất lặp lại để trang trí làm đẹp cho đồ vật sẵn có.

2.2. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận trong học - thực hành trưng bày, nhận xét sản phẩm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết dùng vật liệu, công cụ học phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm, thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm phục vụ học tập (hoặc mục đích khác như làm đồ chơi,...).

2.3. Năng lực đặc thù khác

– Năng lực ngôn ngữ: Biết vận dụng kĩ năng nói trong trao đổi, thảo luận giới thiệu, nhận xét,... sản phẩm.

– Năng lực tính toán: Biết vận dụng hiểu biết về hình, khối cơ bản để nhận biết đặc điểm hình khối của sản phẩm thủ công và vật liệu làm hộp đựng bút.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

– Học sinh: Giấy màu, kéo, hồ dán, băng dính, màu vẽ, vật liệu (lõi giấy vệ sinh, vỏ lon sữa, vỏ hộp giấy, sợi len, sợi dây,...).

– Giáo viên: Hình ảnh một số hộp đựng bút dạng khối làm bằng chất liệu, vật liệu khác nhau (có thể vật thật) được trang trí lặp lại của chấm hoặc đường nét, họa tiết, màu sắc,... Máy tính, máy chiếu hoặc tivi,...

III. Phương pháp và hình thức dạy học

1. Phương pháp dạy học chủ yếu

Quan sát, trực quan, vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, thực hành...

2. Hình thức dạy học chủ yếu

Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm.

IV. Gợi ý các hoạt động dạy học chủ yếu

(Giáo viên có thể cân đối thời gian cho mỗi hoạt động phù hợp với thực tiễn dạy học)

1. Ổn định lớp, kiểm tra sĩ số và sự chuẩn bị học tập của học sinh (Từ 1 – 2 phút)

2. Tổ chức các hoạt động dạy học

Hoạt động của giáo viên (GV) và học sinh (HS)	Đồ dùng, phương tiện DH chủ yếu	Yêu cầu cần đạt
1. Hoạt động khởi động (Từ 3 – 6 phút)		
– GV tổ chức HS tham gia trò chơi: “nhận biết hình khối” – Giáo viên nêu vấn đề, gợi mở và giới thiệu nội dung chính của bài học.	Một số đồ vật có dạng hình khối	Nhận biết chủ đề

Hoạt động của giáo viên (GV) và học sinh (HS)	Đồ dùng, phương tiện DH chủ yếu	Yêu cầu cần đạt
2. Hoạt động quan sát, nhận thức (Từ 7 – 10 phút)		
– GV tổ chức HS quan sát một số sản phẩm thủ công là hộp đựng bút (hoặc vật thật), nêu vấn đề, giao nhiệm vụ và giải thích, hướng dẫn HS thảo luận. – HS làm việc nhóm 6 HS, quan sát, thảo luận nhiệm vụ, ví dụ: + Sản phẩm có dạng hình khối nào? + Các chấm hoặc đường nét, họa tiết sắp xếp lặp lại như thế nào ở sản phẩm. + Sản phẩm làm bằng vật liệu gì? + Sản phẩm dùng làm gì?...	– Mỗi nhóm làm việc với 1-3 hình ảnh sản phẩm thủ công (nên có vật thật).	– Nhận biết đặc điểm hình khối và yếu tố chấm, hoặc nét, màu sắc... trang trí ở đối tượng quan sát. – Biết chất liệu, vật liệu ở sản phẩm thủ công.
– GV tổ chức HS trình bày kết quả thảo luận, khuyến khích các nhóm nhận xét, bổ sung, nêu ý kiến. – Gv tóm tắt kết quả thảo luận của các nhóm; giải thích tính chất lặp lại (nhắc lại), gợi mở HS quan sát, liên hệ ở xung quanh.	– Hình ảnh hoặc vật thật một số sản phẩm thủ công, sản phẩm của học sinh năm học trước.	– Nhận biết dạng hình khối ở một số sản phẩm thủ công. – Nhận biết dấu hiệu của tính chất lặp lại.
– GV giới thiệu cho HS một vài thông tin về nghề thủ công liên quan đến sản phẩm (ở địa phương hoặc nơi khác) – GV gợi mở HS chia sẻ ý tưởng làm hộp đựng bút theo ý thích, kích thích trí tò mò của HS tìm hiểu cách làm hộp đựng bút và trang trí sản phẩm.	– Hình ảnh giới thiệu nghề thủ công liên quan đến sản phẩm.	– Biết một vài thông tin về nghề thủ công ở địa phương (hoặc nơi khác). – Chia sẻ ý tưởng làm hộp đựng bút
3. Hoạt động sáng tạo và ứng dụng (Từ 35 – 45 phút)		

Hoạt động của giáo viên (GV) và học sinh (HS)	Đồ dùng, phương tiện DH chủ yếu	Yêu cầu cần đạt
3.1. Giới thiệu cách làm và trang trí hộp đựng bút – GV sử dụng tình huống có vấn đề, giúp HS biết lựa chọn giấy màu, vật liệu hình khối để thực hành. – GV gợi mở HS giới thiệu, giải thích lựa chọn vật liệu để thực hành.	– Vật liệu, công cụ, họa phẩm,...	Giới thiệu vật liệu và chia sẻ ý tưởng sử dụng trong thực hành.
– GV giới thiệu, kết hợp nêu vấn đề và thị phạm minh họa, giải thích cách làm, trang trí hộp đựng bút dựa trên các bước chính sau: + Lựa chọn và cắt giấy màu; + Dán giấy xung quanh vật liệu dạng khối; + Cắt giấy hoặc vẽ, sử dụng vật liệu,... tạo chấm hoặc nét, hình họa tiết,... trang trí lặp lại cho sản phẩm. – GV nêu vấn đề, gợi mở học sinh vận dụng linh hoạt các bước trong thực hành; hướng dẫn HS cách làm hộp đựng bút với vật liệu khác; lưu ý và hướng dẫn HS sử dụng công cụ, vật liệu an toàn trong thực hành.	– Vật liệu: vỏ hộp, sợi len, giấy màu,... – Hình ảnh các bước thực hành (có thể sử dụng video)	– Nhận biết cách làm hộp đựng bút từ vật liệu dạng khối. – Nhận biết cách trang trí lặp lại ở hộp đựng bút.
– GV giao nhiệm vụ thảo luận (nhóm nhỏ) cho HS về các bước chính vận dụng trong thực hành. – HS trình bày nội dung quan sát và thảo luận. – GV tóm tắt, kích thích HS sẵn sàng thực hành, sáng tạo.	– Hình ảnh minh họa các bước chính trong thực hành.	

Hoạt động của giáo viên (GV) và học sinh (HS)	Đồ dùng, phương tiện DH chủ yếu	Yêu cầu cần đạt
<i>3.2. Thực hành, sáng tạo</i> – GV gọi mở HS trao đổi, chia sẻ ý tưởng thực hành. – GV tổ chức HS thực hành: + Bố trí HS theo nhóm. + Tổ chức HS làm việc cá nhân. + Gọi ý nội dung HS trao đổi, chia sẻ, ví dụ: hình dạng hộp đựng bút; chất liệu, vật liệu sử dụng thực hành; họa tiết hoặc đường nét, màu sắc, chấm trang trí lặp lại; các thao tác thực hành,... – Gv quan sát HS làm việc, trao đổi, nêu vấn đề, động viên, hướng dẫn, hỗ trợ HS giải quyết tình huống trong thực hành sáng tạo.	– Vật liệu. – Dụng cụ học tập. – Sản phẩm đang thực hành của học sinh.	– Chia sẻ ý tưởng thực hành. – Trao đổi, nhận xét, góp ý sản phẩm – Hỗ trợ bạn trong thực hành (họa phẩm, vật liệu, cách sử dụng công cụ,...).
4. Hoạt động phân tích, đánh giá (Từ 7 – 12 phút)		
– GV hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm. – GV khích lệ HS giới thiệu, trao đổi, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn. – GV tóm tắt nội dung chia sẻ, giới thiệu của HS; định hướng nội dung HS nhận xét, đánh giá sản phẩm theo nhóm, ví dụ: + Mức độ hoàn thành + Trang trí lặp lại ở sản phẩm bằng chấm hoặc nét, hình họa tiết, màu sắc. + Thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm... – GV hướng dẫn đại diện nhóm HS trình bày kết quả thảo luận, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của nhóm mình, nhóm bạn. – GV nhận xét, đánh giá kết quả học tập của HS (cá nhân, nhóm, cả lớp), củng cố bài học.	– Sản phẩm thực hành của cá nhân	– Trưng bày sản phẩm – Giới thiệu sản phẩm, ví dụ: cách làm, cách trang trí lặp lại, mục đích, cách sử dụng,... – Chia sẻ cảm nhận về sản phẩm. – Nêu điều biết được thông qua bài

Hoạt động của giáo viên (GV) và học sinh (HS)	Đồ dùng, phương tiện DH chủ yếu	Yêu cầu cần đạt
Gợi mở HS chia sẻ điều học được về nội dung chủ đề.		học.
5. Hoạt động vận dụng - mở rộng (Từ 5 – 10 phút)		
– GV gợi mở HS liên hệ công dụng khác của sản phẩm (có thể sử dụng hình ảnh trực quan). – GV nêu vấn đề, kích thích HS vận dụng trang trí lặp lại cho đồ vật sẵn có.	Hình trực quan	– Nhận biết vận dụng trang trí lặp lại để làm đẹp cho đồ vật xung quanh.

V. Hình ảnh minh họa tham khảo

- Các bước thực hành tham khảo



- Mở rộng



2.3.2. Cấp trung học cơ sở

Chủ đề: Tranh “phố cổ Hà Nội” của họa sĩ Bùi Xuân Phái (lớp 8)

Thời lượng: 3 tiết

I. Mục tiêu

1. Về phẩm chất

Chủ đề góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, ý thức tôn trọng sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật ở HS, cụ thể một số biểu hiện:

- Suu tầm phiên bản tác phẩm phố cổ Hà Nội của họa sĩ Bùi Xuân Phái. (Có thể một số tác phẩm của họa sĩ khác cùng chủ đề).

- Trao đổi, chia sẻ suy nghĩ, ý kiến của mình trong học tập và nhận xét, đánh giá sản phẩm. Tôn trọng sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật của bạn bè và họa sĩ.

2. Về năng lực

Chủ đề, góp phần hình thành, phát triển ở HS biểu hiện các năng lực sau:

2.1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được vẻ đẹp đường nét, hình khối, màu sắc, bút pháp trong tranh “phố cổ Hà Nội”.

- Vận dụng được bút pháp trong tranh “phố cổ Hà Nội” của họa sĩ Bùi Xuân Phái trong thực hành vẽ tranh phong cảnh.

- Tóm tắt được vài nét về cuộc đời, sự nghiệp của họa sĩ Bùi Xuân Phái. Trình bày được ý kiến cá nhân về sản phẩm thực hành và tác phẩm “phố cổ Hà Nội” của họa sĩ Bùi Xuân Phái.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Chuẩn bị đồ dùng học tập, sưu tầm tranh phiên bản của họa sĩ Bùi Xuân Phái.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận, nêu ý kiến, phản biện trong học tập, thực hành và chia sẻ, phân tích, đánh giá.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng được đồ dùng, công cụ, họa phẩm phù hợp với phương thức thực hành tạo sản phẩm.

2.3. Năng lực đặc thù khác

- Năng lực ngôn ngữ: Sử dụng ngôn ngữ nói, viết để giới thiệu, trình bày trong thực hành, thảo luận.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

- Giấy vẽ; màu vẽ; tư liệu, hình ảnh mỹ thuật liên quan đến chủ đề.

- Phiên bản các tác phẩm “Phố cổ Hà Nội”; Máy chiếu.

III. Gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học chủ yếu:

- Quan sát, trực quan, vấn đáp, gợi mở, học tập hợp tác; thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề, thực hành,...
- Kỹ thuật dạy học: Khăn phủ bàn; ủng hộ, tranh luận và phản hồi.

IV. Gợi ý các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động chủ yếu của GV	Hoạt động chủ yếu của HS	Đồ dùng, phương tiện DH
1. Hoạt động khởi động (2-5 phút)		
- Dựa trên những hiểu biết, sự chuẩn bị của HS để nêu vấn đề, giới thiệu nội dung học tập.	- Nghe. - Giới thiệu sự chuẩn bị học tập	
2. Hoạt động quan sát, nhận thức (khoảng 35-40 phút)		
- Tổ chức, hướng dẫn HS thảo luận, giao nhiệm vụ cho các nhóm.	- Thảo luận thông qua kỹ thuật khăn phủ bàn, nhiệm vụ: + Nêu vài nét về cuộc đời, sự nghiệp của họa sĩ Bùi Xuân Phái. + Kể tên một số tác phẩm tiêu biểu của họa sĩ Bùi Xuân Phái.	Giấy A3, bút
- Tổ chức HS trình bày kết quả thảo luận.	- Đại diện các nhóm trình bày, nhận xét, bổ sung kết quả thảo luận.	
- Nhận xét kết quả thảo luận, tóm tắt nét chính về cuộc đời, sự nghiệp và tác phẩm tiêu biểu của họa sĩ Bùi Xuân Phái	- Nghe, quan sát. - Nêu ý kiến nhận xét	Hình ảnh trực quan (tranh, ảnh,...)
- Nêu vấn đề, giao nhiệm vụ thảo luận cho HS: tìm hiểu bút pháp trong tranh “Phố cổ Hà Nội”.	- Mỗi nhóm lựa chọn một tác phẩm yêu thích của họa sĩ Bùi Xuân Phái. - Thảo luận thông qua kỹ thuật khăn phủ bàn, thực hiện nhiệm vụ: + Mô tả đặc điểm đường nét, màu sắc, yếu tố chính, phụ,	- Tác phẩm phố cổ Hà Nội. - Giấy A2, bút

Hoạt động chủ yếu của GV	Hoạt động chủ yếu của HS	Đồ dùng, phương tiện DH
	trung gian ở tác phẩm. + Liên hệ hình ảnh thể hiện ở tác phẩm với phong cảnh xung quanh, cho ví dụ. + Cảm nhận về tác phẩm (thích/không thích về nội dung, phong cách đường nét, màu sắc...), vì sao?.	
- Tổ chức HS trình bày kết quả thảo luận. - Nhận xét chất lượng làm việc, thảo luận, trình bày của các nhóm. - Tóm tắt nội dung chính về đặc điểm nội dung, phong cách trong tranh Phố cổ Hà Nội của họa sĩ Bùi Xuân Phái.	- Quan sát - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận. - Nghe, nêu vấn đề, trao đổi. - Đặt câu hỏi (nếu có).	- Phiên bản tác phẩm của họa sĩ Bùi Xuân Phái . - Hình ảnh phong cảnh thực tế.
- Gọi mở HS chia sẻ lựa chọn tác phẩm của họa sĩ Bùi Xuân Phái và phong cảnh thể hiện trong thực hành. - Kích thích HS sẵn sàng thực hành, sáng tạo.	- Quan sát, trao đổi. - Chia sẻ ý tưởng thực hành.	- Hình ảnh một số sản phẩm mỹ thuật của HS liên quan đến chủ đề.
3. Hoạt động sáng tạo và ứng dụng (60 – 70 phút)		
- Tổ chức HS chia sẻ ý tưởng thể hiện. - Giao nhiệm vụ: + Vẽ tranh phong cảnh dựa trên ý tưởng nội dung, phong cách trong tranh của họa sĩ Bùi Xuân Phái. + Viết cảm nhận về sản phẩm	- Chia sẻ ý tưởng thực hành (nội dung, yếu tố, nguyên lí tạo hình, chất liệu,...). - Nghe. - Nêu vấn đề (nếu có).	

Hoạt động chủ yếu của GV	Hoạt động chủ yếu của HS	Đồ dùng, phương tiện DH
(khoảng 100 từ).		
- Tổ chức HS thực hành sáng tạo dựa trên ý tưởng ban đầu; nêu vấn đề, liên hệ thực tế,... gợi mở HS thực hiện. - Hướng dẫn, gợi ý nội dung thảo luận - Kiểm soát sự tham gia thảo luận, trao đổi, chia sẻ của HS trong thực hành.	- Làm việc cá nhân - Trao đổi, chia sẻ trong nhóm theo cặp, nhóm nhỏ: + Chủ đề thể hiện + Yếu tố chính, phụ, trung gian (màu sắc, đường nét, đậm nhạt, hình ảnh,...)? + Bổ sung, điều chỉnh,... như thế nào? +....	- Đồ dùng, công cụ thực hành. - Tác phẩm phổ cổ Hà Nội theo ý thích. - Sản phẩm đang thực hành.
	- Quan sát sản phẩm - Viết cảm nhận dựa trên các ý chính sau: + Tên tranh (sản phẩm) + Sản phẩm dựa trên tác phẩm nào của họa sĩ Bùi Xuân Phái. Tại sao? + Yếu tố tạo hình nào thể hiện trọng tâm ở sản phẩm? (màu sắc, nét, hình,...). + Có thể bổ sung hoặc điều chỉnh hình ảnh/chi tiết nào ở sản phẩm, tại sao? (nếu có). + Kinh nghiệm nào được rút ra trong thực hành (ví dụ: sử dụng yếu tố, nguyên lý tạo hình, lựa chọn tác phẩm làm “mẫu”, chọn phong cảnh thể hiện,...).	- Sản phẩm thực hành của cá nhân
4. Hoạt động phân tích, đánh giá (Khoảng 15-20 phút)		

Hoạt động chủ yếu của GV	Hoạt động chủ yếu của HS	Đồ dùng, phương tiện DH
- Tổ chức HS lựa chọn vị trí trưng bày sản phẩm. - Định hướng HS quan sát, trao đổi, thảo luận (quy mô toàn lớp). - Quan sát HS làm việc, thu thập thông tin, gợi mở, nêu vấn đề. - Khuyến khích HS nêu vấn đề, tranh luận và phản biện. - Hướng dẫn đánh giá.	- Trưng bày, quan sát, trao đổi và sử dụng kĩ thuật DH: ủng hộ, tranh luận và phản hồi dựa trên một số nội dung: - Phân tích một số yếu tố cấu thành nên sản phẩm, liên hệ với tác phẩm nguyên mẫu. - Tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng quá trình thực hành, thảo luận. - Nhận xét, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của bạn bè.	- Sản phẩm cá nhân. - Tác phẩm nguyên mẫu.
- Tổng kết, nhận xét, đánh giá quá trình học tập của toàn lớp và cá nhân HS. Khuyến khích học sinh nêu ý kiến.	- Nghe - Nêu ý kiến (nếu có)	
5. Hoạt động luyện tập, mở rộng (khoảng 3-5 phút)		
- Gợi mở HS ý tưởng khác cho thực hành.	- Chia sẻ ý tưởng khác trong thực hành.	Một số sản phẩm của học sinh ở lớp hoặc sưu tầm.
v) Minh họa nội dung: Giới thiệu cuộc đời và sự nghiệp của họa sĩ Bùi Xuân Phái (https://vi.wikipedia.org)		

2.3.3. Cấp trung học phổ thông

Bài: Kí họa hoa, lá (lớp 10)

Thời lượng: 4 tiết

I. Mục tiêu

1. Về phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng đức tính chăm chỉ, trung thực, tôn trọng sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật ở HS, cụ thể một số biểu hiện:

- Suu tầm hoa lá, chuẩn bị công cụ, họa phẩm để thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Thẳng thắn trao đổi, thảo luận, tranh luận trong quan sát, thực hành, đánh giá sản phẩm, tranh kí họa.
- Trân trọng vẻ đẹp của tranh kí họa và sự sáng tạo của họa sĩ.

2. Về năng lực

Chủ đề, góp phần hình thành, phát triển ở HS biểu hiện các năng lực sau:

2.1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết đặc điểm hình dạng, màu sắc, đường nét của một số hoa, lá nguyên mẫu. Biết được vị trí, vai trò của tranh kí họa trong nghệ thuật hội họa.
- Thực hiện được kí họa hoa, lá bằng bút chì (đen).
- Phân tích, trao đổi về giá trị thẩm mỹ của sản phẩm, tranh kí họa.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Chuẩn bị đồ dùng, công cụ, hoa lá làm mẫu để thực hành.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận, nêu ý kiến, phản biện trong học tập, thực hành và chia sẻ, phân tích, đánh giá.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng đồ dùng, công cụ, họa phẩm để thực hành, sáng tạo.

2.3. Năng lực đặc thù khác

- Năng lực ngôn ngữ: Sử dụng ngôn ngữ nói để giới thiệu, trình bày, phản biện, tranh luận về nội dung học tập.

II. Gợi ý chuẩn bị đồ dùng dạy học

*** Học sinh:**

- Suu tầm tranh kí họa yêu thích, tư liệu về tranh kí họa thông qua sách, internet.
- Chuẩn bị một số vật liệu như: giấy, bút chì, tẩy, bảng, kẹp giấy,...

*** Giáo viên:**

- Tài liệu: tranh, ảnh tranh ký họa và ký họa hoa, lá.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học chủ yếu

- Phương pháp: Trực quan, quan sát, thảo luận nhóm, vấn đáp, gợi mở, thực hành...
- Kỹ thuật DH: Ủng hộ, tranh luận và phản hồi.
- Hình thức: Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.
- Địa điểm: Trong hoặc ngoài lớp học.

III. Gợi ý các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động chủ yếu của GV	Hoạt động chủ yếu của HS	Cơ hội hình thành, phát triển năng lực
1. Hoạt động khởi động (Từ 5 – 7 phút)		
- Sử dụng tình huống có vấn đề, thuyết trình (hoặc hình ảnh trực quan tranh, ảnh, hoa lá nguyên mẫu,...) để giới thiệu bài học. - Giới thiệu dụng cụ, vật liệu vẽ kí họa	- Nghe, quan sát, trao đổi,... - Nêu ý kiến (nếu có)	- Quan sát và nhận thức thẩm mỹ. - Giao tiếp và hợp tác.
2. Hoạt động quan sát, nhận thức (từ 20 – 15 phút)		
- Giới thiệu một số tranh, hình ảnh về kí họa. - Sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi, nêu vấn đề giúp HS tìm hiểu, nhận biết vẻ đẹp của tranh kí họa và ứng dụng của kí họa trong học tập, thực hành, sáng tạo nghệ thuật hội họa. Giao nhiệm vụ thảo luận. - Gợi mở HS nhận ra đặc điểm chất liệu chì, kỹ thuật vẽ kí họa.	- Quan sát, trả lời - Nghe, nêu ý kiến - Thảo luận: + Vẻ đẹp của tranh kí họa (bố cục, đường nét,...) + Vai trò của tranh kí họa trong nghệ thuật hội họa và học tập, đời sống.	- Quan sát, nhận thức thẩm mỹ. - Giao tiếp và hợp tác - Phân tích và đánh giá thẩm mỹ.
3. Hoạt động thực hành, sáng tạo (120 – 130 phút)		
- Hướng dẫn HS lựa chọn dụng cụ, chất liệu giấy và cách sử dụng. - Hướng dẫn HS quan sát, thảo	- Quan sát, nêu ý kiến. - Trao đổi, chia sẻ. - Lựa chọn chất liệu,	- Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ. - Quan sát, nhận thức, phân tích, đánh

Hoạt động chủ yếu của GV	Hoạt động chủ yếu của HS	Cơ hội hình thành, phát triển năng lực
luận tìm hiểu cách vẽ kí họa: + Sử dụng hình hoa lá nguyên mẫu, nêu vấn đề, gợi mở HS tìm hiểu, nhận xét đặc điểm của hoa, lá + Sử dụng hình ảnh trực quan, kết hợp thị phạm, gợi mở HS nhận biết cách thực hành vẽ kí họa hoa, lá. - Gợi mở HS thảo luận, chia sẻ lựa chọn loại hoa, lá và ý tưởng thực hành. - Quan sát, kiểm soát tiến trình, kĩ năng thực hành, tham gia thảo luận, phản biện,... của HS - Gợi ý, hướng dẫn, hỗ trợ HS	công cụ, hóa, lá. - Thảo luận dựa trên một số nội dung sau: + Ý tưởng thể hiện + Đặc điểm hoa lá nguyên mẫu + Sắp xếp bố cục + Cách sử dụng bút chì + Hiệu quả đậm nhạt, sáng tối, đặc điểm của đối tượng thể hiện ở sản phẩm so với nguyên mẫu,... + Tự đánh giá sản phẩm đang thực hành của riêng cá nhân và của bạn bè.	giá thẩm mĩ. - Hợp tác và giao tiếp. - Tự chủ và tự học. - Giải quyết vấn đề và thực hành sáng tạo.
4. Hoạt động phân tích, đánh giá (từ 15 – 25 phút)		
- Tô chức/hướng dẫn HS trưng bày (hoặc HS tự lựa chọn vị trí trưng bày) - Hướng dẫn HS thảo luận, tự đánh giá, đánh giá đồng và giao nhiệm vụ thảo luận cho HS.	- Trưng bày sản phẩm - Quan sát, nhận xét, phân loại sản phẩm. - Thảo luận, dựa trên kĩ thuật ủng hộ, tranh luận và phản hồi: + Phân tích, giải thích ý tưởng sắp xếp bố cục (yếu tố, nguyên lí tạo hình). + Tự đánh giá sản phẩm dựa vào nguyên mẫu.	- Quan sát, nhận thức, phân tích và đánh giá thẩm mĩ. - Giao tiếp và hợp tác.

Hoạt động chủ yếu của GV	Hoạt động chủ yếu của HS	Cơ hội hình thành, phát triển năng lực
	- Nhận xét, đánh giá sản phẩm của bạn. - Rút ra bài học cho bản thân - Chia sẻ quan điểm, ý kiến cá nhân về kết quả, hướng điều chỉnh sản phẩm tốt hơn.	
5. Hoạt động luyện tập, mở rộng (từ 5- 7 phút)		
- Gọi mở HS ý tưởng sử dụng sản phẩm vào mục đích học tập.	- Quan sát, nghe - Nêu ý kiến, trao đổi.	- Quan sát và nhận thức. - Sáng tạo và ứng dụng.

IV. Minh họa nội dung bài học

Cùng suy nghĩ

1. Cấu tạo của hoa và lá thường có những thành phần nào?
2. Mỗi loài hoa và lá có những nét đặc trưng nào về hình, về cấu tạo, đường nét, màu sắc?



Hình 1: Ký họa hoa đồng tiền kép
Hoa cúc cánh hoa nhỏ được xếp lệch

1. Quan sát, nhận thức

- Giới thiệu một số ký họa
- Giới thiệu một số dụng cụ, vật liệu sử dụng vẽ ký họa hoa lá.
- Nêu, phân tích đặc điểm kỹ thuật vẽ chì.
- Phân tích vẻ đẹp của một số ký họa hoa lá và vai trò của tranh ký họa trong nền mỹ thuật tạo hình Việt Nam.
- Khuyến khích học sinh quan sát nhận xét và đặt câu hỏi

2. Thực hành vẽ tranh ký họa ghi chép hoa lá

- Học sinh lựa chọn bút chì, giấy và công cụ thực hành.
- Học sinh trao đổi, tìm hiểu đặc điểm tự nhiên của hoa, lá, cây.
- Học sinh thực hành: phác hình, xử

nhau theo nhiều lớp từ trong ra ngoài, trong nhỏ ngoài lớn dần. Nhụy hoa tròn ở giữa màu đậm. Lá hoa cúc mềm và sẫm màu, uốn lượn tạo thành nhiều nếp. Phía trong lá có nhiều gân lá nhỏ cấu trúc xương cá dày đặc.



Hình 2: Ký họa hoa hồng

Hoa hồng có hình dạng đặc trưng với những cánh mỏng cuộn nhiều lớp mở dần từ trong ra ngoài. Thường vẫn cuộc nụ hình giọt nước ở giữa. Cánh hoa mảnh mai và rất mềm mại. Dưới đài hoa có lá xanh nhỏ. Đặc điểm của lá có nhiều răng cưa, gân lá đơn giản. Cấu trúc tường có 3 lá một cành.

lý nét diễn tả hình, xác định độ đậm nhạt, khai thác chất cảm của hoa lá, như gai, xốp, xù sì, êm mượt, bóng... để thể hiện.

- Khuyến khích học sinh tự nghiên cứu tự tìm hiểu và trao đổi, phân tích trong thực hành.

- Động viên những tìm tòi cá nhân

3. Trao đổi, đánh giá về tranh ký họa, vị trí vai trò của nó trong nghệ thuật hội họa

- Trưng bày sản phẩm vẽ, tranh ký họa, xung quanh lớp, xưởng.

- Tổng kết những vấn đề ghi chép hoa, lá, cây với các chất liệu chì và tự chọn.

- Dẫn dắt thảo luận, nêu những thành công trong hoạt động thể nghiệm diễn tả hoa lá.

- Trao đổi góp ý cụ thể vào từng sản phẩm của học sinh.

- Gợi ý những hướng cần tiếp tục tìm hiểu và khai thác.

Mở rộng

Có thể phát triển ký họa các mối liên hệ với hoa và lá trong tự nhiên, nhằm tạo sự phong phú và đa dạng trong ngôn ngữ thể hiện. Ví dụ như cây, cành, chậu, thân gỗ hoặc ký họa điểm màu.

2.4. Phân tích bài soạn minh họa ở cấp tiểu học/THCS/THPT

Giáo án (hay bài soạn) là sản phẩm của mỗi cá nhân giáo viên biên soạn trước khi lên lớp. Bởi vậy, có thể nói khó có một giáo án “mẫu” và phù hợp với mọi giáo viên, điều kiện dạy học và đối tượng học sinh ở tất cả các nhà trường.

Nếu giáo án dạy học định hướng nội dung chủ yếu đưa ra các nội dung dạy học quy định bắt buộc trong chương trình hoặc nội dung mà giáo viên định truyền đạt cho HS; thì giáo án định hướng hình thành và phát triển phẩm chất năng lực, chủ yếu nêu lên cách thức tổ chức các hoạt động để học sinh làm việc, thảo luận và tự tìm hiểu, khám phá, rèn luyện, phát hiện, bổ sung kiến thức, kỹ năng nhằm hoàn chỉnh hiểu biết của mình.

Theo đó, có nhiều cách trình bày và cấu trúc nội dung bài soạn, các ví dụ minh họa bài soạn ở trên là giới thiệu một vài cách để giáo viên tham khảo, GV hoàn toàn có thể thay đổi, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường và cá nhân, đồng thời bảo đảm được yêu cầu của giáo án là nhằm mục tiêu hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh, đặc biệt năng lực mỹ thuật – biểu hiện của năng lực thẩm mỹ trong giáo dục mỹ thuật.

Có thể ví dụ phân tích nội dung bài soạn đối chiếu với yêu cầu cần đạt trong chương trình như sau:

- Cấp THCS:

Chủ đề: Tranh “Phố cổ Hà Nội” của họa sĩ Bùi Xuân Phái (lớp 8)

Đối chiếu với CT lớp 8, thông qua vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học, bài soạn thể hiện yêu cầu cần đạt về năng lực mỹ thuật như sau:

Năng lực mỹ thuật	PP, hình thức tổ chức DH	Yêu cầu cần đạt
1. Quan sát và nhận thức thẩm mỹ	- Quan sát, trực quan, vấn đáp, liên hệ thực tế, sử dụng tình huống có vấn đề, thuyết trình. - Thảo luận cặp/nhóm - Kỹ thuật dạy học: khăn phủ bàn, tranh luận, ủng hộ và phản hồi.	- Phân biệt được yếu tố chính, phụ, trung gian ở tác phẩm “Phố cổ Hà Nội”. - Biết được vẻ đẹp của tác phẩm “Phố cổ Hà Nội” thông qua các yếu tố: đường nét, màu sắc, đậm nhạt,... và liên hệ với hình ảnh một số phong cảnh thành thị trong thực tiễn. - Lựa chọn tác phẩm và phong cảnh để thực hành.
2. Sáng tạo và ứng	- Trực quan, quan sát, nêu	- Sử dụng yếu tố tạo hình

dụng thẩm mỹ	vân đề, gợi mở,... - Thực hành cá nhân, thảo luận, chia sẻ.	đề thực hành, sáng tạo. - Vận dụng bút pháp trong tranh “phố cổ Hà Nội” của họa sĩ Bùi xuân phái trong thực hành, sáng tạo. - Thể hiện yếu tố chính phụ ở sản phẩm.
3. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ	- Quan sát, phân tích, gợi mở, kĩ thuật dạy học tranh luận, ủng hộ và phản hồi,... - Thảo luận, thuyết trình.	- Tóm tắt vài nét về cuộc đời, sự nghiệp của họa sĩ Bùi Xuân Phái. - Nêu quan điểm cá nhân về sản phẩm, tác phẩm.

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Căn cứ xác định mục tiêu, nội dung và cách thức đánh giá của CT môn học

Mục tiêu, nội dung, đối tượng và cách thức đánh giá của CT môn học Mỹ thuật được xác định dựa trên một số căn cứ sau:

1.1. Căn cứ vào các Nghị quyết về đổi mới GD của Đảng, Nhà nước, Quốc hội

Chương trình môn Mỹ thuật xác định mục tiêu, nội dung, cách thức đánh giá kết quả giáo dục dựa trên một số căn cứ sau:

- Căn cứ những yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó đổi mới kiểm tra, đánh giá đã được nêu trong các văn kiện, văn bản sau: a) Nghị quyết 29-NQ/TW về “Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan”; b) Nghị quyết 88/2014/QH13 nêu rõ: "Đổi mới căn bản phương pháp đánh giá chất lượng giáo dục theo hướng hỗ trợ phát triển phẩm chất và năng lực học sinh”.

- Căn cứ vào định hướng đổi mới kiểm tra đánh giá nêu trong CT tổng thể của Bộ GD&ĐT (2018), trong đó nhấn mạnh mục tiêu: đánh giá kết quả giáo dục là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và sự tiến bộ của học sinh để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục.

Theo đó, kiểm tra và đánh giá là một thành phần quan trọng của quá trình dạy học, thống nhất với nhau nhằm xác định kết quả thực hiện mục tiêu DH; trong đó, nội dung kiểm tra là thu thập thông tin về kết quả thực hiện mục tiêu dạy học, đánh giá là xác định mức độ đạt được về thực hiện mục tiêu dạy học, thực chất là việc xem xét mức độ đạt được của hoạt động học của học sinh so với mục tiêu đề ra đối với từng môn học, từng lớp học, cấp học; đồng thời, cách thức, kiểm tra đánh giá cần đảm bảo các nguyên tắc: Có mục đích rõ ràng và cụ thể, đảm bảo tác động đến quá trình dạy học, đa dạng hoá các phương pháp kiểm tra đánh giá, đảm bảo tính toàn diện và phân hoá; đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị; đảm bảo sự công bằng; đa dạng hóa loại hình và phương pháp kiểm tra đánh giá.

- Căn cứ vào kế thừa ưu điểm về kiểm tra đánh giá của chương trình hiện hành, thể hiện ở một số công văn do Bộ giáo dục và đào tạo ban hành như: a) Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT về ban hành quy chế xếp loại, đánh giá học sinh THCS, THPT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; b) Công văn số 5466/BGDĐT-GDTrH ngày 07 tháng 8 năm 2013 về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2013 - 2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nêu rõ: “Các hình thức kiểm tra, đánh giá đều hướng tới phát triển năng lực của học sinh; coi trọng đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập, động viên sự cố gắng, hứng thú học tập của các em trong quá trình dạy học. Việc kiểm tra, đánh giá không chỉ là việc xem học sinh học được cái gì mà quan trọng hơn là biết học sinh học như thế nào, có biết vận dụng không; kết hợp kết quả đánh giá trong quá trình giáo dục và đánh giá tổng kết cuối kì, cuối năm học”, “Chú ý hướng dẫn học sinh đánh giá lẫn nhau và biết tự đánh giá năng lực của mình”; c) Công văn số 5555/ BGDDĐT-GDTrH, ngày 08/ 10/ 2014 về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường trung học/ trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng; d) Công văn số 4612/ BGDDĐT-GDTrH ngày 03/ 10/ 2017 về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất học sinh từ năm học 2017 – 2018; e) Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/ 8/ 2014 và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/ 9/ 2016, có hiệu lực từ ngày 06/ 11/ 2016, trong đó sửa đổi Điều 2, khoản 5 của TT 30/2014/TT-BGDĐT về đánh giá học sinh tiểu học như sau: “đánh giá sự hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh...”...

- Căn cứ vào đặc điểm, nội dung, yêu cầu cần đạt và phương pháp giáo dục của chương trình môn học để xác định nội dung và hình thức đánh giá cho phù hợp, làm cơ sở để đóng góp vào việc hình thành, phát triển phẩm chất (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) ở học sinh thông qua đánh giá.

2. Mục tiêu, nội dung và cách thức đánh giá của chương trình môn học

2.1. Mục tiêu đánh giá

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục môn Mỹ thuật là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của từng học sinh; giúp học sinh tự đánh giá sự tiến bộ của bản thân và tự điều chỉnh hoạt động học tập; giúp giáo viên biết được những tiến bộ và hạn chế của học sinh, từ đó có hướng dẫn kịp thời cho học sinh và điều chỉnh kế hoạch, hoạt động dạy học một cách phù hợp; giúp nhà quản lý hiểu rõ chất lượng giáo dục, làm căn cứ để có những điều chỉnh và nâng cao chất lượng giáo dục; giúp cha mẹ học sinh hiểu rõ những tiến bộ của con và có những biện pháp, phối hợp giáo dục với nhà trường. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của học sinh.

2.2. Căn cứ và nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ đạt được các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù đã được quy định trong CT giáo dục tổng thể và CT giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành *Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*). Theo đó, nội dung đánh giá kết quả giáo dục chú ý những điểm sau:

– Đánh giá kết quả giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất: Dựa trên quá trình học tập, thực hành, trải nghiệm; trong đó cần xuất phát từ các phẩm chất và năng lực của môn học, trong đó quan tâm đến đánh giá ý thức, sự chăm chỉ trong học tập, tìm hiểu các giá trị thẩm mỹ trong đời sống và nghệ thuật; thể hiện tình yêu thương giữa con người, niềm tự hào về truyền thống văn hóa nghệ thuật dân tộc, ý thức gìn giữ, phát huy những giá trị nghệ thuật thông qua biểu hiện thái độ, hành, sự chia sẻ cảm nhận, ý tưởng trong việc ứng xử trước đối tượng thẩm mỹ và môi trường xung quanh; thể hiện tinh thần trách nhiệm, tính trung thực trong học tập, hợp tác và hiện thực hóa ý tưởng sáng tạo mang lại

những giá trị thẩm mỹ cho bản thân và cộng đồng,... từ đó xác định nội dung và hình thức đánh giá cho phù hợp.

– Đánh giá kết quả quan sát và nhận thức thẩm mỹ: Dựa trên hoạt động quan sát đối tượng thẩm mỹ và thảo luận là chủ yếu, trong đó, chú ý đến đánh giá khả năng nhận biết, cảm thụ và thu nhận thông tin ở đối tượng thẩm mỹ (đọc, hiểu thông tin, giá trị đối tượng quan sát), khả năng phản ứng, giao tiếp, phát biểu, thảo luận trong quan sát, tiếp nhận thông tin, hình thành nhận thức, khả năng liên hệ với thực hành, sáng tạo, thể hiện thái độ với hiện tượng, sự việc, vấn đề,... trong nghệ thuật và thực tiễn đời sống.

– Đánh giá kết quả sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: Dựa trên sản phẩm mỹ thuật và quá trình thực hành, sáng tạo và thảo luận là chủ yếu. Trong đó chú ý đến đánh giá sự chia sẻ, đề xuất ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mỹ; khả năng thực hành, sáng tạo (sử dụng công cụ, phương tiện, đồ dùng, hình thức thực hành,...), phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề và hiện thực hóa ý tưởng, tạo sản phẩm mỹ thuật; khả năng làm việc độc lập và hợp tác, phát hiện vấn đề và giải quyết; khả năng vận dụng sản phẩm vào học tập và đời sống thực tiễn; khả năng trao đổi, thảo luận, chia sẻ thông tin, phân tích, đánh giá, phản biện thẩm mỹ trong quá trình thực hành, sáng tạo và liên hệ vận dụng thực tiễn.

– Đánh giá kết quả phân tích và đánh giá thẩm mỹ: Dựa trên kết quả thực hành, sáng tạo và quan sát, khám phá các sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật kết hợp với thảo luận, phân tích, đánh giá là chủ yếu. Theo đó, đánh giá cần chú ý đến sự cảm nhận, chia sẻ, phân tích, phản biện về đối tượng thẩm mỹ; khả năng tiếp cận sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật để khám phá, tìm hiểu, tiếp nhận thông tin, giá trị thẩm mỹ và liên hệ vận dụng thực tiễn dựa trên những kiến thức, kỹ năng mỹ thuật, kết hợp với kiến thức, kỹ năng của một số môn học, hoạt động khác; thể hiện sự học hỏi kinh nghiệm, sự hiện thực hóa ý tưởng và phát hiện vấn đề trong đánh giá đối tượng thẩm mỹ trong nghệ thuật và thực tiễn đời sống.

- Đánh giá kết quả giáo dục góp phần hình thành, phát triển các năng lực chung:

Các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) được phản ánh trong năng lực mỹ thuật và được hình thành, phát triển thông qua mỗi nội dung dạy học; tùy theo đặc điểm, tính chất của mỗi dạng bài/chủ đề dạy học sẽ góp phần phát triển năng lực, thành tố của năng lực, hay một số yêu cầu cần đạt cụ thể. Giáo viên cần nghiên cứu kỹ về năng lực chung để

hiểu bản chất, cấu trúc, yêu cầu cần đạt cho từng cấp học. Từ đó làm cơ sở xác định mục tiêu phát triển năng lực thông qua mỗi chủ đề, nội dung dạy học.

2.3. Cách thức đánh giá ở cấp tiểu học/THCS/THPT

- Đánh giá chẩn đoán: Sử dụng vào thời điểm đầu của một giai đoạn dạy học, nhằm giúp giáo viên thu thập những thông tin về kiến thức, kĩ năng kĩ thuật, những điểm mạnh và nhu cầu của từng học sinh, từ đó xây dựng kế hoạch và phương pháp giáo dục thích hợp.

- Đánh giá kết quả bao gồm đánh giá thường xuyên và đánh giá tổng kết. Trong đánh giá kết quả giáo dục kĩ thuật sử dụng cả hai hình thức đánh giá thường xuyên và đánh giá cuối kì, cuối năm học, cấp học. Đánh giá thường xuyên được tích hợp vào trong quá trình dạy học, thông qua việc học sinh chuẩn bị đồ dùng, công cụ, vật liệu,... trả lời câu hỏi, phát biểu ý kiến, thảo luận, chia sẻ, thuyết trình, bài viết, kết quả thực hành, tiến hành trưng bày, tham gia nhận xét, đánh giá,... trong quá trình học tập. Đánh giá thường xuyên có sự tham gia của các chủ thể khác nhau: giáo viên đánh giá học sinh, học sinh đánh giá đồng đẳng, học sinh tự đánh giá và được thực hiện trong suốt tiến trình dạy học nhằm giúp HS kịp thời phát hiện những sai sót của bản thân, từ đó tự điều chỉnh các hoạt động học tập để từng bước đạt được những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực mà CT đã đề ra; giúp giáo viên kịp thời điều chỉnh phương pháp dạy học. Đánh giá cuối kì, cuối lớp, cuối cấp chủ yếu bằng các bài kiểm tra, bài thực hành, nghiên cứu, sáng tạo, bài tự luận, kết quả dự án học tập, video clip,... Qua đó, HS, giáo viên, phụ huynh và nhà quản lí biết được mức độ đạt được các phẩm chất và năng lực của HS ở cuối mỗi học kỳ, mỗi cấp lớp, cấp học.

Đánh giá thường xuyên do giáo viên phụ trách môn học tổ chức, dựa trên kết quả đánh giá của giáo viên, của phụ huynh HS, của bản thân HS được đánh giá và của các HS khác trong nhóm, trong lớp. Đánh giá định kỳ do cơ sở giáo dục tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng ở cơ sở giáo dục và phục vụ công tác phát triển CT.

- Kết hợp đánh giá bằng định tính và định lượng: Đánh giá định tính được thực hiện chủ yếu ở cấp tiểu học; đánh giá định lượng được sử dụng chủ yếu ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông, bảo đảm phân hoá dần ở các lớp học trên.

Sự hình thành và phát triển các phẩm chất của HS được đánh giá chủ yếu bằng phương pháp định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi,

cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS trong quan sát, thực hành, trải nghiệm, thảo luận, phân tích, đánh giá,... Khả năng và mức độ đạt được các năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học ở HS được đánh giá bằng cả hình thức định tính và định lượng, thông qua sản phẩm thực hành, bài kiểm tra, các hoạt động quan sát và nhận thức, thực hành và sáng tạo, phân tích và đánh giá, các bài tự luận, bài tập nghiên cứu,... với nhiều hình thức và mức độ khác nhau.

Trong chương trình môn học 2018, thời lượng dành cho đánh giá định kì đối với mỗi khối lớp/ năm học ở giai đoạn giáo dục cơ bản là 10%; ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp là 12%. Thời lượng này là ước lượng, các cơ sở giáo dục và giáo viên chủ động bố trí trên cơ sở yêu cầu cần đạt và thực tế dạy học, cũng như phù hợp với nội dung, hình thức, thời điểm (đầu năm học, cuối mỗi học kì, cuối năm học,...) và mục đích đánh giá; trong đó, có thể thể vận dụng, kết hợp đánh giá thông qua một số hình thức như: ôn tập; nội dung bài test, bài tự luận, bài thực hành, nghiên cứu, sáng tạo của cá nhân/ nhóm; trưng bày/ triển lãm, trình diễn, thuyết trình, giới thiệu, phân tích, truyền thông sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật; báo cáo kết quả dự án học tập, dự án nghệ thuật, video clip,... Riêng các chuyên đề học tập, chương trình xác định thời lượng bao gồm cả nội dung dạy học và đánh giá ở mỗi khối lớp 10, 11, 12 là 15 tiết đối với chuyên đề Thực hành vẽ hình họa, 10 tiết đối với mỗi chuyên đề Thực hành vẽ trang trí và Thực hành vẽ tranh bố cục; các cơ sở giáo dục và giáo viên chủ động bố trí đánh giá trên cơ sở yêu cầu cần đạt và thực tế dạy học.

Đồng thời, để thống nhất với đổi mới phương pháp dạy học trong chương trình là lồng ghép, kết hợp hoạt động thực hành và thảo luận, đối tượng đánh giá cần kết hợp đánh giá sản phẩm với nội dung bài viết (ngắn hoặc dài), như: lời giới thiệu, chia sẻ cảm nhận, giải thích, mô tả cách thực hiện, liên hệ tính ứng dụng của sản phẩm; giới thiệu tác giả, tác phẩm mỹ thuật; phân tích, giải thích, nêu quan điểm về sản phẩm, tác phẩm; giới thiệu nghề nghiệp, liên hệ mỹ thuật với đời sống, văn hóa, xã hội...

Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu một số đề đánh giá để giáo viên tham khảo. Giáo viên và nhà trường có thể thay đổi, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện cụ thể của nhà trường trên cơ sở bảo đảm được yêu cầu của nội dung đánh giá là căn cứ vào yêu cầu hình thành, phát triển

phẩm chất và năng lực học sinh, đặc biệt năng lực mỹ thuật – biểu hiện của năng lực thẩm mỹ trong giáo dục mỹ thuật.

2.4. Đề đánh giá minh họa ở cấp tiểu học/THCS/THPT

ĐỀ KIỂM TRA VÀ HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

Môn Mỹ thuật lớp 5 (cuối năm)

(Thời gian 50 phút)

1. Đề kiểm tra

a) Nội dung đề:

- Thực hành: Tạo hình thể hiện hình dáng người tham gia bảo vệ môi trường.
- Viết giới thiệu và cảm nhận (khoảng 60 – 80 từ): Giới thiệu một số thông tin về sản phẩm (tên sản phẩm, nội dung, chất liệu...) và cảm nhận về chủ đề.

b) Yêu cầu:

- Hình thức: Tạo hình 3D
- Chất liệu/vật liệu: Lựa chọn vật liệu như bìa giấy, giấy màu hoặc đất nặn/đất sét, dây thép, len, vải,...
- Công cụ: Kéo, dập gim, băng dính,....
- Kích thước: Cao 15- 25 cm

2. Hướng dẫn đánh giá và xếp loại

Mức độ Năng lực Mỹ thuật	Biết	Hiểu	Vận dụng	
			Mức 1 (vận dụng thấp hoặc trung bình)	Mức 2 (vận dụng sáng tạo hoặc ứng dụng thực tiễn).
Quan sát và nhận thức	Biết được nội dung hoạt động về bảo vệ môi trường thông qua sản phẩm.		Thể hiện hiểu biết về cấu trúc hình dáng cơ thể người ở sản phẩm.	Biết liên hệ hình ảnh tạo hình với đời sống thực tế.
Sáng tạo và ứng dụng	Thể hiện được một số yếu tố: hình, khối, màu sắc, chất cảm ở sản phẩm.		Thể hiện sự phối hợp một số vật liệu và kĩ năng tạo	- Thể hiện sự hài hòa về hình dáng người

			hình ở sản phẩm.	ở tư thế hoạt động.
Phân tích và đánh giá	Viết được một số thông tin về sản phẩm.	Nêu được một số yếu tố tạo hình ở sản phẩm thông qua bài viết.	Thể hiện được ý thức bảo vệ môi trường thông qua bài viết.	Chia sẻ được ý định sử dụng sản phẩm thông qua bài viết.
Xếp loại	Đạt (C)			
	Hoàn thành (B)			
	Hoàn thành (A)			

ĐỀ KIỂM TRA VÀ HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

Môn Mỹ thuật lớp 8 (cuối năm)

(Thời gian 70 phút)

1. Đề kiểm tra

a) Nội dung đề:

- Thực hành: Thiết kế một trang phục áo dài dựa trên yếu tố văn hóa nghệ thuật truyền thống của dân tộc ít người.

- Viết đoạn ngắn (khoảng 70 – 80 từ): Giới thiệu về sản phẩm và yếu tố văn hóa nghệ thuật truyền thống được lựa chọn để vận dụng vào sản phẩm.

b) Yêu cầu:

- Hình thức: Tạo hình 2D (lựa chọn, kết hợp: vẽ, in, xé, dán,...).
- Chất liệu: Lựa chọn, kết hợp: màu sáp, màu bột, màu nước, giấy màu, vật liệu sưu tầm,....
- Công cụ: Tùy chọn: bảng vẽ, palet, bút lông, kéo, hồ dán,...
- Khổ giấy 20 – 30 cm

2. Hướng dẫn đánh giá và xếp loại

(Đề xuất đánh giá theo 4 loại: Đạt, Chưa đạt, Hoàn thành, Hoàn thành tốt)

Mức độ Năng lực Mĩ thuật	Biết	Hiểu	Vận dụng	
			Mức 1 (vận dụng thấp hoặc trung bình)	Mức 2 (vận dụng sáng tạo hoặc ứng dụng thực tiễn).
Quan sát và nhận thức	Biết được sự đa dạng về họa tiết, họa văn của một số dân tộc ít người ở đối tượng quan sát thông qua nội dung bài viết.	Thể hiện hiểu biết về đặc điểm của đường nét họa văn, họa tiết ở sản phẩm.	Thể hiện được cấu trúc trang phục thông qua sản phẩm.	Thể hiện sự lựa chọn hình họa tiết, họa văn cho sản phẩm.
Sáng tạo và ứng dụng	Thể hiện được một số yếu tố tạo hình và điểm nhấn ở sản phẩm.	Thể hiện được đặc điểm họa văn, họa tiết của nghệ thuật truyền thống dân tộc ít người ở sản phẩm.	Tạo được hướng chuyển động của họa văn, họa tiết trên sản phẩm.	Thể hiện ý tưởng sáng tạo phù hợp với mục đích sử dụng.
Phân tích và đánh giá	Viết được một số thông tin về sản phẩm thiết kế.	Nêu, phân tích được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình ở sản phẩm thông qua bài viết.	Tự đánh giá mức độ hiệu quả thị giác trong phối hợp vật liệu, chất liệu ở sản phẩm thông qua bài viết.	Thể hiện được ý thức giữ gìn, phát huy nghệ thuật dân tộc ở bài viết.

Xếp loại	Chưa đạt (dưới 5 điểm)			
	Đạt (từ 5-6 điểm)			
	Hoàn thành (từ 7-8 điểm)			
	Hoàn thành tốt (từ 9-10 điểm)			

ĐỀ KIỂM TRA VÀ HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

Môn Mĩ thuật lớp 10 (cuối năm)

(Thời gian 120 phút)

1. Đề kiểm tra

a) Nội dung đề:

- Thực hành thể hiện một bức phù điêu về loài vật dựa trên hình ảnh nguyên mẫu.

- Viết đoạn ngắn (từ 100 -120 từ): Giới thiệu đặc điểm phù điêu và sản phẩm thực hành.

b) Yêu cầu:

- Chất liệu: Đất nặn hoặc đất sét tự nhiên.

- Kích thước: 15 x 20 (cm).

2. Hướng dẫn đánh giá và xếp loại

(Đề xuất đánh giá theo 4 loại: Đạt, Chưa đạt, Hoàn thành, Hoàn thành tốt và cụ thể hóa điểm số theo từng loại tương ứng).

Mức độ Năng lực Mĩ thuật	Biết	Hiểu	Vận dụng	
			Mức 1 (vận dụng thấp hoặc trung bình)	Mức 2 (vận dụng sáng tạo hoặc ứng dụng thực tiễn).
Quan sát và nhận thức	Thê hiện hiểu biết về phù điêu thông qua giới thiệu tác phẩm nguyên mẫu ở bài viết.	Thê hiện hiểu biết về đặc điểm chất liệu thông qua sản phẩm.	Biết được đặc điểm đối tượng “mẫu” thông qua sản phẩm.	Thê hiện sự lựa chọn đối tượng để thực hành thông qua sản phẩm.

Sáng tạo và ứng dụng	Thực hiện được phác thảo ý tưởng bố cục thông qua sản phẩm.	Thể hiện được một số yếu tố tạo hình đặc trưng của thể loại phù điêu ở sản phẩm.	Tạo được bố cục cân đối cho đối tượng “mẫu” trên khuôn khổ cho trước.	Bước đầu biểu đạt được cảm xúc thông qua thể hiện kỹ thuật tạo hình sản phẩm.
Phân tích và đánh giá	Viết được một số thông tin về sản phẩm thiết kế.	Giải thích được sự lựa chọn “mẫu” để thực hành thông qua bài viết.	Giới thiệu được một số yếu tố, nguyên lý tạo hình thể hiện ở sản phẩm thông qua bài viết.	Chia sẻ được nhận định cá nhân về sản phẩm và “mẫu”.
Xếp loại	Chưa đạt (dưới 5 điểm)			
	Đạt (từ 5-6 điểm)			
	Hoàn thành (từ 7-8 điểm)			
	Hoàn thành tốt (từ 9-10 điểm)			

2.5. Phân tích đề đánh giá minh họa ở cấp tiểu học/THCS/THPT

Tất cả các đề nêu trên đều tập trung đánh giá năng lực mỹ thuật, gồm các thành phần: quan sát và nhận thức thẩm mỹ, sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ, phân tích và đánh giá thẩm mỹ; đồng thời, thông qua các yêu cầu thể hiện trong nội dung đánh giá cho thấy việc kết hợp đánh giá năng lực mỹ thuật với đánh giá phẩm chất và năng lực chung, thể hiện ở cấu trúc đề gồm hai phần: thực hành và viết lời giới thiệu – là hình thức kết hợp, lồng ghép thực hành và thảo luận của đối mới phương pháp dạy học trong giáo dục mỹ thuật.

Nội dung các đề và hướng dẫn đánh giá dựa trên những yêu cầu cần đạt quy định đối với học sinh lớp 5, lớp 8, lớp 10 trong chương trình môn Mỹ thuật (2018). Có thể nêu cụ thể như sau (Kí hiệu: PC: Phẩm chất; YCCĐ: năng lực mỹ thuật; NL: năng lực chung và NL đặc thù khác):

Nội dung đánh giá	Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực
Lớp 5	
Biết được hoạt động về bảo vệ môi trường thông qua sản phẩm.	PC: Trách nhiệm
Thể hiện hiểu biết về cấu trúc hình dáng cơ thể người ở sản phẩm.	YCCĐ: Nhận biết về đối tượng thẩm mỹ
Thể hiện được một số yếu tố: hình, khối, màu sắc, chất cảm ở sản phẩm.	YCCĐ: Sử dụng được một số yếu tố tạo hình để mô phỏng đối tượng.
Thể hiện sự phối hợp một số vật liệu và kỹ năng tạo hình ở sản phẩm.	YCCĐ: Lựa chọn phối hợp được vật liệu khác nhau để thực hành, sáng tạo
- Thể hiện sự hài hòa về hình dáng người ở tư thế hoạt động.	YCCĐ: Vận dụng được nguyên lý hài hòa trong thực hành sáng tạo
- Thể hiện được chi tiết chính, phụ ở sản phẩm.	YCCĐ: Thể hiện được yếu tố chính, phụ ở sản phẩm
Viết được một số thông tin về sản phẩm.	YCCĐ: Giới thiệu được sản phẩm NL: Giao tiếp, hợp tác
Nêu được một số yếu tố tạo hình ở sản phẩm thông qua bài viết.	YCCĐ: Bước đầu sử dụng một số yếu tố tạo hình để chia sẻ cảm nhận về sản phẩm
Thể hiện được ý thức bảo vệ môi trường thông qua bài viết.	PC: Trách nhiệm
Chia sẻ được ý định sử dụng sản phẩm thông qua bài viết.	NL: Giao tiếp, hợp tác.
Lớp 8	
Biết được sự đa dạng về họa tiết, hoa văn của một số dân tộc ít người ở bài viết về sản phẩm.	YCCĐ: Thu thập được hình ảnh cho thực hành, sáng tạo
Thể hiện hiểu biết về đặc điểm của đường nét hoa văn, họa tiết ở sản phẩm.	YCCĐ: Vận dụng được yếu tố
Thể hiện được cấu trúc trang phục áo dài	

thông qua sản phẩm.	văn hoá nghệ thuật truyền thống của một số dân tộc ít người vào thực hành, sáng tạo.
Thể hiện sự lựa chọn hình họa tiết, hoa văn cho sản phẩm.	
Thể hiện được hoa văn, họa tiết của nghệ thuật truyền thống dân tộc ít người ở sản phẩm	
Thể hiện được một số yếu tố tạo hình và điểm trọng tâm ở sản phẩm.	YCCĐ: vận dụng yếu tố tạo hình trong thực hành sáng tạo
Tạo được hướng chuyển động của hoa văn, họa tiết trên sản phẩm	YCCĐ: Thể hiện được phương hướng chuyển động của yếu tố tạo hình ở sản phẩm.
Thể hiện ý tưởng sáng tạo phù hợp với mục đích sử dụng.	YCCĐ: Biết liên hệ giá trị thẩm mỹ với công năng sử dụng.
Viết được một số thông tin về sản phẩm thiết kế.	NL: Giao tiếp, hợp tác
Kể được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình ở sản phẩm thông qua bài viết.	
Tự đánh giá hiệu quả thị giác trong phối hợp vật liệu, chất liệu ở sản phẩm thông qua bài viết.	NL: Tự học.
Thể hiện được ý thức giữ gìn, phát huy nghệ thuật dân tộc ở bài viết.	PC: Trách nhiệm.
Lớp 10	
Thể hiện hiểu biết về phù điêu thông qua giới thiệu tác phẩm nguyên mẫu ở bài viết.	YCCĐ: Nhận biết được đặc điểm thể loại phù điêu
Thể hiện hiểu biết về đặc điểm chất liệu thông qua sản phẩm.	
Biết được đặc điểm đối tượng “mẫu” thông qua sản phẩm.	YCCĐ: Biết lựa chọn đối tượng để thực hành, sáng tạo
Biết được đặc điểm đối tượng “mẫu” thông qua sản phẩm.	
Thực hiện được phác thảo ý tưởng bố cục thông qua sản phẩm.	YCCĐ: Thực hiện được phác

Tạo được bộ cục cân đối cho đối tượng “mẫu” trên khuôn khổ cho trước.	thảo và hoàn thiện phù điều
Thể hiện được một số yếu tố tạo hình đặc trưng của thể loại phù điều ở sản phẩm.	YCCĐ: Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo.
Bước đầu biểu đạt được cảm xúc thông qua thể hiện kĩ thuật tạo hình sản phẩm	YCCĐ: Bước đầu biểu đạt được cảm xúc thông qua kĩ thuật thể hiện phù điều.
Viết được một số thông tin về sản phẩm thiết kế.	NL: Giao tiếp, hợp tác YCCĐ: Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá phù điều
Giải thích được sự lựa chọn “mẫu” để thực hành thông qua bài viết.	
Giới thiệu được một số yếu tố, nguyên lí tạo hình thể hiện ở sản phẩm thông qua bài viết.	
Chia sẻ được nhận định cá nhân về sản phẩm và “mẫu”.	

VIII. PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Định hướng phương tiện, thiết bị dạy học ở cấp tiểu học/THCS/THPT

a) Phòng học bộ môn

- Nhà trường có phòng dành riêng cho hoạt động dạy học Mĩ thuật, đặc biệt ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp. Vị trí phòng học mĩ thuật cần tương đối độc lập với các phòng học khác trong nhà trường.

- Trang thiết bị trong phòng học:

- + Bàn ghế học sinh phù hợp với việc di chuyển trong lớp học.
- + Bảng vẽ cá nhân; dụng cụ để trưng bày sản phẩm mĩ thuật.
- + Bục đặt mẫu vẽ có thể điều chỉnh được kích thước khi cần thiết.
- + Giá vẽ có thể điều chỉnh kích thước phù hợp với chiều cao của từng HS.
- + Tủ, giá để lưu giữ sản phẩm thực hành và các dụng cụ, công cụ học tập.
- + Phương tiện hỗ trợ: máy tính, đèn chiếu (overhead), máy chiếu (projector),...

b) Đồ dùng dạy học: khối cơ bản, tượng chân dung phật mắng, tượng chân dung, tranh, ảnh tư liệu mĩ thuật,...

Ngoài các thiết bị dạy học tối thiểu được quy định trong danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, giáo viên cần tự làm thiết bị, đồ dùng dạy học; đồng thời, nhà trường cần phối hợp, huy động sự giúp đỡ của các cá nhân, tổ chức ở địa phương để bổ sung đồ dùng dạy học phù hợp với chương trình

2. Ví dụ minh họa sử dụng một số phương tiện, thiết bị dạy học ở cấp tiểu học/THCS/THPT

Trong tiến trình giáo dục mỹ thuật thường xuyên sử dụng đồ dùng trực quan, kết hợp với phương tiện công nghệ, ví dụ một số đồ dùng, thiết bị dạy học sau:

- Phòng học bộ môn: sẽ tạo được không gian nghệ thuật trong nhà trường, nhờ đó góp phần kích thích hứng thú học tập, thực hành, sáng tạo ở học sinh. Đặc biệt, ở giai đoạn giáo dục nghề nghiệp, phòng học bộ môn và các trang thiết bị như bảng vẽ, giá vẽ, bục đặt mẫu, vật mẫu, họa phẩm,... máy chiếu, máy tính, máy ảnh,... là điều kiện cần để thực hiện dạy học đáp ứng mục tiêu giáo dục đã đặt ra. Có thể nêu một số đồ dùng cụ thể sau:

+ Giá vẽ: Sử dụng trong thực hành, trưng bày sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật trong lớp, ngoài lớp học trong khuôn viên nhà trường và ngoài trường. Việc học sinh được sử dụng công cụ như giá vẽ sẽ góp phần kích thích học sinh hứng thú học – thực hành, trao đổi, thảo luận và sáng tạo mỹ thuật (so với ngồi học như các môn học khác)... trong nhà trường phổ thông.

+ Bục đặt mẫu: mục đích chính là sử dụng đặt mẫu để học sinh quan sát, nhận thức và thực hành sáng tạo; bục đặt mẫu có thể sử dụng để học sinh trưng bày/ triển lãm sản phẩm mỹ thuật, đặc biệt là các sản phẩm dạng 3D; đồng thời bục đặt mẫu góp phần tạo không gian học tập “chuyên nghiệp” cho phòng học bộ môn của môn học, góp phần thúc đẩy hứng thú học mỹ thuật của học sinh trong nhà trường phổ thông.

+ Bàn, ghế học sinh: Khác với bàn ghế trong các phòng học thông thường, đối với phòng học môn mỹ thuật, bàn, ghế thiết kế phù hợp với việc di chuyển hay có thể điều chỉnh (gấp, xếp hoặc giữ nguyên kích thước như các bàn ghế khác) sẽ tạo sự linh hoạt và đổi mới trong khuôn viên lớp học/ phòng học, cũng như phù hợp với những nhiệm vụ học tập đa dạng và quy mô làm việc nhóm khác nhau....

- Tranh, ảnh, tư liệu mỹ thuật, (thiên nhiên, đất nước, con người, hình khối, đồ vật, con vật,...) là những đồ dùng, công cụ trực quan thiết yếu trong dạy học mỹ thuật; tuy nhiên, tùy theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học cụ

thể mà nội dung, hình thức thể hiện ở các đồ dùng trực quan và mức độ sử dụng khác nhau. Mặt khác, thông qua các đối tượng quan sát được lựa chọn, sưu tầm từ các nguồn thông tin khác nhau và sử dụng trong tổ chức dạy học, giúp học sinh nhận biết được kiến thức mỹ thuật luôn sẵn có ở xung quanh; nhận thức được sự đa dạng của mỹ thuật, mối quan hệ của mỹ thuật với văn hóa, lịch sử và các loại hình nghệ thuật khác trong đời sống thực tiễn; giúp học sinh ý thức được vai trò của môn học trong nhà trường cũng như thấy được đóng góp của môn học trong phát triển đời sống thẩm mỹ của cá nhân và cộng đồng.

- Tượng chân dung phật mắng, tượng chân dung: là những mẫu vẽ cần thiết trong việc giúp học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng mỹ thuật để thực hành, nghiên cứu đối tượng; qua đó, giúp học sinh phát triển tư duy độc lập, khả năng nghiên cứu, phân tích, so sánh, đánh giá,... đối tượng trong thực hành; góp phần phát triển ở học sinh khả năng diễn tả đối tượng dựa trên các yếu tố như hình, khối, không gian, diện, mảng,... mật độ của nét, tương quan của đậm nhạt,... làm cơ sở nền tảng cho học sinh khám phá và vận dụng mỹ thuật vào học tập, phát triển nghệ thuật theo sở thích và thiên hướng cá nhân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (2013), *Nghị quyết số 29–NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
2. Quốc hội khóa XIII (2014), *Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật*, NXB Giáo dục
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình tổng thể*, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng BGD &ĐT.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật*, ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Công văn số 5555/ BGDĐT-GDTrH, ngày 08/10/2014 về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/ trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016, sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Công văn số 4612/ BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất học sinh từ năm học 2017 – 2018*.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Dạy và học tích cực – một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, Dự án Việt – Bỉ, NXB Đại học Sư phạm.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Tài liệu dạy học Mỹ thuật dành cho giáo viên tiểu học*, Dự án Saeps, NXB Giáo dục Việt Nam.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về giáo dục Mỹ thuật, Âm nhạc ở trường phổ thông Việt Nam*.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án RGEP, (2017, 2018), *Tài liệu và kết quả thực nghiệm Chương trình môn Mỹ thuật ở 6 tỉnh và thành phố trên cả nước*.